

M C L C

PH N M U.....	6
Ch ng I.....	7
NH NG QUY NH CHUNG	7
M c 1	7
GI I THÍCH THU T NG	7
i u 1. nh ngh a	7
M c 2	9
TÊN G I, TR S , M C TIÊU VÀ PH M VI HO T NG.....	9
i u 2. Tên, hình th c, tr s chính, i di n theo pháp lu t, m ng l i ho t ng và th i h n ho t ng c a Ngân hàng.....	9
i u 3. Tôn ch , l nh v c kinh doanh và m c tiêu ho t ng c a Ngân hàng ...	10
i u 4. Ph m vi kinh doanh và ho t ng	10
M c 3	10
CÁC HO T NG CHÍNH	10
i u 5. Ho t ng ngân hàng th ng m i	11
i u 6. Ho t ng ngân hàng ut	12
i u 7. B o hi m	12
i u 8. Các ho t ng khác	12
i u 9. Các h n ch m b o an toàn trong ho t ng	12
i u 10. Áp d ng i u c qu c t và t p quán qu c t trong ho t ng ngân hàng.....	12
i u 11. T ch c chính tr - xã h i trong Ngân hàng.....	13
Ch ng II	13
V N I UL , C PH N, C PHI U, TRÁI PHI U	13
M c 1	13
V N I UL	13
i u 12. V n i ul	13
i u 13. Thay i v n i ul	13
M c 2	14
C PH N, C PHI U, TRÁI PHI U	14
i u 14. C ph n.....	14
i u 15. Chào bán c ph n.....	14
i u 16. Mua l i c ph n	15
i u 17. Thu h i c ph n	17
i u 18. Chuy n nh ng c ph n.....	18

i u 19. Th a k c ph n	18
i u 20. Gi i h ns h uc ph n	19
i u 21. S ng ký c ông	19
i u 22. C phi u	20
i u 23. Phát hành trái phi u	20
Ch ng III	21
C C UT CH C, QU N LÝ VÀ KI M SOÁT NGÂN HÀNG	21
M c 1	21
C C UT CH C QU N LÝ	21
i u 24. C c ut ch c qu n lý	21
M c 2	21
C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG	21
i u 25. C ông	21
i u 26. Quy n c a c ông	21
i u 27. Ngh a v c a c ông	22
i u 28. i h i ng c ông	22
i u 29. Quy nh n và nhi m v c a i h i ng c ông	23
i u 30. Th m quy n tri ut p h p i h i ng c ông	24
i u 31. Thông báo m i h p, ch ng trình và n i dung h p i h i ng c ông	25
i u 32. Quy n đ h p i h i ng c ông	26
i u 33. Các i u ki n ti n hành h p i h i ng c ông	26
i u 34. Th th c ti n hành h p và bi u quy t t i i h i ng c ông	27
i u 35. Thông qua quy t nh c a i h i ng c ông	29
i u 36. Th m quy n và th th c l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ông	30
i u 37. Các i di n c y quy n	31
i u 38. Thay i các quy n	32
i u 39. Biên b nh p i h i ng c ông	32
i u 40. Yêu c u h y b quy t nh c a i h i ng c ông	33
M c 3	33
H I NG QU N TR	33
i u 41. Thành ph n và nhi m k c a H i ng qu n tr	33
i u 42. Quy nh n và nhi m v c a H i ng qu n tr	33
i u 43. Ch t ch H i ng qu n tr	35
i u 44. Quy nh n và nhi m v c a Thành viên H i ng qu n tr	36
i u 45. Thù lao và l ích c a thành viên H i ng qu n tr	37
i u 46. Tiêu chu n và i u ki n làm thành viên H i ng qu n tr	37
i u 47. ng nhiên m t t cách, bãi nhi m, mi n nhi m thành viên H i ng qu n tr	38

i u 48. Các cu c h p c a H i ng qu n tr	39
i u 49. S d ng d ch v t v n chuyên nghi p	41
M c 4	41
T NG GIÁM C	41
i u 50. T ng giám c	41
i u 51. Giúp vi c cho T ng giám c	42
i u 52. Tiêu chu n và i u ki n làm T ng giám c, Phó T ng giám c	42
i u 53. ng nhiên m t t cách, mi n nhi m, bãi nhi m T ng giám c	43
M c 5	44
BAN KI M SOÁT.....	44
i u 54. Thành viên Ban ki m soát	44
i u 55. Quy n và nhi m v c a Ban ki m soát.....	44
i u 56. Quy n và nhi m v c a Tr ng Ban ki m soát	45
i u 57. Quy n và nhi m v c a thành viên Ban ki m soát	46
i u 58. Quy n c cung c p thông tin c a Ban ki m soát	46
i u 59. Thù lao và các chi phí khác c a thành viên Ban ki m soát	47
i u 60. Tiêu chu n và i u ki n làm thành viên Ban ki m soát	47
i u 61. ng nhiên m t t cách, bãi nhi m, mi n nhi m thành viên Ban ki m soát	47
i u 62. Cu c h p c a Ban ki m soát	49
M c 6	49
NH NG TR NG H P KHÔNG C M NHI M CH C V VÀ	
NH NG TR NG H P KHÔNG CÙNG M NHI M CH C V	49
i u 63. Nh ng tr ng h p không c m nhi m ch c v	50
i u 64. Nh ng tr ng h p không cùng m nhi m ch c v	50
M c 7	51
NGH A V C A THÀNH VIÊN H I NG QU N TR , BAN KI M SOÁT,	
T NG GIÁM C VÀ THÀNH VIÊN BAN I U HÀNH.....	51
i u 65. Công khai các l i ích liên quan	51
i u 66. Ngh a v c a Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c và thành viên Ban i u hành.....	52
i u 67. Trách nhi m v thi t h i và b i th ng	52
i u 68. H p ng, giao d ch ph i c i h i ng c ông, H i ng qu n tr ch p thu n.....	53
M c 8	54
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN.....	54
i u 69. Công nhân viên và công oàn.....	54
Ch ng IV.....	54

M I QUAN H GI A NGÂN HÀNG VÀ CÁC NV THÀNH VIÊN.....	54
M c 1.....	54
CÁC NV TR C THU C, CÔNG TY TR C THU C, CÔNG TY LIÊN K T C A NGÂN HÀNG	54
i u 70. Các nv tr c thu c, Công ty tr c thu c, Công ty liên k t c a Ngân hàng.....	54
M c 2.....	54
QUAN H GI A NGÂN HÀNG V I CÁC NV TR C THU C.....	54
i u 71. Quan h gi a Ngân hàng và các nv tr c thu c	54
M c 3.....	54
QUAN H GI A NGÂN HÀNG VÀ CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	54
i u 72. Qu n lý ph n v n góp c a Ngân hàng trong các Công ty có liên quan	55
i u 73. Chi ph i, liên k t, h tr các Công ty có liên quan	55
i u 74. Quy n và ngh a v c a Ngân hàng i v i Công ty tr c thu c là Công ty trách nhi m h u h n m t thành viên.....	56
i u 75. Quy n và ngh a v c a Ngân hàng i v i Công ty trách nhi m t hai thành viên tr lên, Công ty c ph n.....	56
i u 76. Quan h gi a Ngân hàng v i các Công ty liên k t	56
Ch ng V.....	56
C CH TÀI CHÍNH.....	56
M c 1.....	57
H TH NG K TOÁN VÀ N M TÀI CHÍNH.....	57
i u 77. H th ng k toán	57
i u 78. N m tài chính.....	57
M c 2.....	57
KI M TOÁN VÀ CON D U.....	57
i u 79. Ki m toán	57
i u 80. Con d u.....	58
M c 3.....	58
PHÂN CHIA L I NHU N	58
i u 81. Phân chia l i nhu n sau thu	58
i u 82. Trích l p qu	58
i u 83. Tr c t c	58
Ch ng VI.....	59
S SÁCH VÀ H S NGÂN HÀNG	59

điều 84. Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý	59
điều 85. Quy định về tiền, kim tra sổ sách và hồ sơ Ngân hàng.....	60
điều 86. Chế độ lưu giữ tài liệu của Ngân hàng	60
điều 87. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	61
Chương VII	61
TỔ CHỨC LĨNH VỰC VÀ PHÁP SỬ NGÂN HÀNG	61
điều 88. Tổ chức	61
điều 89. Giới thiệu Ngân hàng.....	61
điều 90. Pháp sử Ngân hàng	62
Chương VIII.....	62
GIỚI QUY ĐỊNH TRANH CHẤP, SAI LẦM VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ NGÂN HÀNG	
.....	62
điều 91. Giới quy định tranh chấp nội bộ	62
điều 92. Bổ sung và sai sót	63
Chương IX.....	63
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	63
điều 93. Điều khoản chung	63

PH N M U

C n c :

Lu t Doanh nghi p s 60/2005/QH11 c Qu c h i n c C ng hòa xã h i ch ngh a Vi t Nam thông qua ngày 29 tháng 11 n m 2005;

Lu t Các t ch c tín d ng c Qu c h i n c C ng hòa xã h i ch ngh a Vi t Nam thông qua ngày 12 tháng 12 n m 1997 và Lu t s a i, b sung m t s i u c a Lu t Các t ch c tín d ng ngày 15 tháng 6 n m 2004;

Lu t Ch ng khoán s 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 n m 2006;

Ngh nh s 59/2009/N -CP ngày 16 tháng 7 n m 2009 c a Chính ph v t ch c và ho t ng c a ngân hàng th ng m i;

Ngh nh s 139/2007/N -CP ngày 05 tháng 9 n m 2007 c a Chính ph h ng d n chi ti t thi hành m t s i u c a Lu t Doanh nghi p;

i u l m u áp d ng cho các công ty niêm y t trên S giao d ch Ch ng khoán/Trung tâm giao d ch Ch ng khoán ban hành kèm theo Quy t nh s 15/2007/Q -BTC ngày 19 tháng 3 n m 2007 c a B tr ng B Tài chính,

Ngân hàng th ng m i c ph n Xu t Nh p kh u Vi t Nam (đ i ây g i t t là “Ngân hàng”) là Ngân hàng th ng m i c ph n, ho t ng theo gi y phép s 0011/NH-GP ngày 6 tháng 4 n m 1992 c a Ngân hàng Nhà n c. T ch c và ho t ng c a Ngân hàng c th c hi n theo i u l này và quy nh pháp lu t hi n hành có liên quan.

i u l này c thông qua h p l t i c u c h p i h i ng c ông Ngân hàng vào ngày 21 tháng 3 n m 2008.

Chương I
NH NG QUY NH CHUNG

Mục 1
GIỚI THÍCH THU T NG

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong điều 1 này, nh ng thu t ng d i ây c hi u nh sau:

a) "*Lu t Doanh nghi p*" có ngh a là Lu t Doanh nghi p s 60/2005/QH11 c Qu c h i n c C ng hòa xã h i ch ngh a Vi t Nam thông qua ngày 29 tháng 11 n m 2005.

b) "*Lu t Các t ch c tín d ng*" có ngh a là Lu t Các t ch c tín d ng c Qu c h i n c C ng hòa xã h i ch ngh a Vi t Nam thông qua ngày 12 tháng 12 n m 1997, c s a i, b sung n m 2004.

c) "*Pháp lu t*" có ngh a là t t c Lu t, Pháp l nh, Ngh nh, Quy t nh, Thông t và các v n b n quy ph m pháp lu t khác c các c quan Nhà n c Vi t Nam ban hành theo t ng th i k liên quan n các ho t ng c a Ngân hàng bao g m c các v n b n s a i, b sung, ho c thay th các quy nh này.

d) "*a bàn kinh doanh*" là ph m vi a lý c ghi trong gi y phép do Ngân hàng Nhà n c c p cho Ngân hàng mà t i ó Ngân hàng c thi t l p các i m ho t ng theo quy nh c a pháp lu t.

e) "*V n i u l*" là s v n do t t c các c ông óng góp và c ghi t i i u l này.

f) "*Ngày thành l p*" là ngày Ngân hàng c Ngân hàng Nhà n c c p Gi y phép ho t ng.

g) "*V n pháp nh*" là v n t i thi u theo yêu c u c a pháp lu t thành l p Ngân hàng.

h) "*Ban i u hành*" bao g m T ng giám c, các Phó T ng giám c và K toán tr ng c a Ngân hàng.

i) "*Thành viên H i ng qu n tr kiêm nhi m*" là thành viên H i ng qu n tr ng th i n m gi m t ho c nhi u ch c danh khác t i Ngân hàng v i nhi m v và quy n h n n m ngoài ph m vi nhi m v và quy n h n c a H i ng qu n tr .

k) "*Thành viên H i ng qu n tr không kiêm nhi m*" là thành viên H i ng qu n tr không ng th i n m gi b t k m t ch c danh nào khác t i Ngân hàng v i nhi m v và quy n h n n m ngoài ph m vi nhi m v và quy n h n c a H i ng qu n tr .

l) "*Ng i có liên quan*" là cá nhân, t ch c có quan h v i Ngân hàng n u thu c m t trong các tr ng h p sau:

(i) Công ty m v i công ty con và ng c l i; Ngân hàng v i công ty tr c thu c c a Ngân hàng và ng c l i; các công ty có cùng công ty m v i nhau; các công ty tr c thu c c a cùng ngân hàng v i nhau;

(ii) Ngân hàng i v i ng i qu n lý, thành viên Ban ki m soát c a Ngân hàng ho c ng i, t ch c có th m quy n b nhi m nh ng ng i ó và ng c l i;

(iii) Ngân hàng i v i cá nhân s h u t 10% (m i ph n tr m) v n i u l tr lên t i Ngân hàng và ng c l i;

(iv) Nh ng ng i có quan h thân thu c v i nhau, g m: v , ch ng, cha, cha nuôi, m , m nuôi, con, con nuôi, anh, ch , em ru t;

(v) Ngân hàng i v i ng i có quan h thân thu c (theo quy nh t i i m (iv) kho n này) c a ng i qu n lý, thành viên Ban ki m soát, thành viên góp v n ho c c ông s h u t 10% (m i ph n tr m) v n i u l tr lên c a Ngân hàng và ng c l i;

(vi) Cá nhân c y quy n i di n cho nh ng ng i quy nh t i i m (i), (ii), (iii), (iv) và (v) kho n này i v i ng i y quy n.

m) “*Th i h n ho t ng*” là th i h n ho t ng c a Ngân hàng c quy nh t i kho n 6, i u 2 c a i u l này và th i gian gia h n (n u có) c i h i ng c ông c a Ngân hàng thông qua b ng Ngh quy t và c c quan nhà n c có th m quy n ch p thu n n u pháp lu t có yêu c u.

n) “*C ph n*” là v n i u l c chia thành các ph n b ng nhau.

o) “*C ông*” là t ch c ho c cá nhân s h u m t ho c m t s c ph n c a Ngân hàng và ng ký tên trong S ng ký c ông c a Ngân hàng v i t cách là m t ng i n m gi (các) c ph n.

p) “*C phi u*” là ch ng ch ho c bút toán ghi s c a Ngân hàng phát hành, xác nh n quy n s h u m t ho c m t s c ph n c a Ngân hàng. *C phi u* c a Ngân hàng có th là c phi u ghi tên ho c c phi u vô danh theo quy nh c a i u l này.

q) “*C phi u qu*” là c phi u c a chính Ngân hàng ã phát hành và c Ngân hàng mua l i b ng ngu n v n h p pháp theo quy nh t i i u l này và pháp lu t.

r) “*S ng ký c ông*” là s ng ký c ông quy nh t i i u 21 c a i u l này.

s) “*i h i ng c ông*” ho c “*i h i*” là i h i ng c ông c a Ngân hàng.

t) “*C t c*” là kho n c tr cho m i c ph n b ng t i n m t ho c b ng t tài s n khác t ngu n l i nhu n còn l i c a Ngân hàng sau khi ã th c hi n ngh a v v tài chính.

u) “*Công ty có liên quan*” là doanh nghi p do Ngân hàng n m gi m t ph n ho c toàn b v n i u l , g m có công ty tr c thu c và công ty liên k t.

v) “*Công ty tr c thu c c a Ngân hàng*” là doanh nghi p có t cách pháp nhân, h ch toán c l p b ng v n t có mà Ngân hàng:

(i) S h u trên 50% (n m m i ph n tr m) v n i u l ho c t ng s c ph n ph thông ã phát hành c a công ty ó; ho c

(ii) Có quy n tr c t i p ho c gián t i p b nhi m a s ho c t t c thành viên H i ng qu n tr , H i ng thành viên, Giám c ho c T ng giám c c a công ty ó; ho c

(iii) Có quy n quy t nh vi c s a i, b sung i u l c a công ty ó.

x) “*Công ty liên kết*” là doanh nghiệp do ngân hàng nắm giữ cổ phần, vốn góp do hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, công ty liên doanh với nước ngoài hoặc công ty nước ngoài.

y) “*Đơn vị trực thuộc*” là các đơn vị hạch toán phụ thuộc Ngân hàng, bao gồm sở giao dịch, chi nhánh, vốn phòng đại diện, đơn vị sản xuất.

aa) “*Đơn vị thành viên*” là các đơn vị trực thuộc và Công ty có liên quan của Ngân hàng.

bb) “*Ngân hàng điều hành theo quy định của Ngân hàng*” là ngân hàng quy định bằng văn bản theo các quy định của mình tại các Công ty có liên quan theo quy định của pháp luật.

cc) “*Lợi nhuận*” là tổng lợi nhuận hoạt động kinh doanh và lợi nhuận hoạt động khác. Trong đó, lợi nhuận hoạt động kinh doanh bao gồm: chênh lệch giá tài sản doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ và chi phí dịch vụ trong kỳ và chênh lệch giá tài sản doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính và chi phí hoạt động đầu tư tài chính phát sinh trong kỳ. Lợi nhuận hoạt động khác là chênh lệch giá trị nhập và chi phí hoạt động khác phát sinh trong kỳ.

dd) “*Ngân hàng Nhà nước*” là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Trong điều lệ này, các tham chiếu từ hình thức quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (Mục, điều khoản của điều lệ này) sẽ được ghi nhận từ nội dung và không nhất thiết trùng với nội dung của điều lệ này.

4. Các điều khoản thu nhập sẽ được ghi nhận trong Luật Doanh nghiệp và Luật Các tổ chức tín dụng (nếu không mâu thuẫn với các quy định khác) sẽ có giá trị áp dụng trong điều lệ này.

MỤC 2

TÊN GỌI, TRỤ SỞ, MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở chính, điều hành theo pháp luật, mô hình hoạt động và thẩm quyền hoạt động của Ngân hàng

1. Tên Ngân hàng

- Tên tiếng Việt : Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt : Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam

- Tên tiếng Anh : Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank

- Tên viết tắt : Eximbank hoặc EIB

- Tên giao dịch : Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam

2. Ngân hàng là Ngân hàng thương mại cổ phần có tổ chức pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Tr s ng ký c a ngân hàng là:

- a ch : S 07 Lê Th H ng G m, qu n 1, thành ph H Chí Minh, Vi t Nam
- i n tho i : (08) 38210055
- Fax : (08) 38296063
- Website : www.eximbank.com.vn

4. T ng giám c là ng i i di n theo pháp lu t c a Ngân hàng.

5. Ngân hàng c m s giao d ch, chi nhánh, v n phòng i di n, c thành l p n v s nghi p, công ty tr c thu c theo quy nh c a Ngân hàng Nhà n c và các quy nh c a pháp lu t hi n hành có liên quan. Ngân hàng c thành l p công ty tr c thu c ho t ng trong l nh v c tài chính, ngân hàng, b o hi m, qu n lý, khai thác, bán tài s n trong quá trình x lý tài s n b o m ti n vay và tài s n mà Nhà n c giao cho Ngân hàng x lý thu h i n .

6. Tr khi ch m d t ho t ng tr c th i h n theo i u 89 và i u 90 ho c chuy n i ho t ng theo i u 88 i u l này, th i h n ho t ng c a Ngân hàng là 50 (n m m i) n m k t ngày thành l p.

i u 3. Tôn ch , l nh v c kinh doanh và m c tiêu ho t ng c a Ngân hàng

1. Tôn ch c a Ngân hàng là tr thành m t t p oàn Tài chính – Ngân hàng cung c p d ch v a d ng v i ch t l ng và hi u qu .

2. L nh v c kinh doanh c a Ngân hàng bao g m ho t ng kinh doanh quy nh t i i u l này.

3. M c tiêu ho t ng c a Ngân hàng là t i a hóa l i nhu n, tích l y u t cho phát tri n, góp ph n th c hi n các m c tiêu phát tri n kinh t , xã h i c a t n c.

i u 4. Ph m vi kinh doanh và ho t ng

1. Ngân hàng c phép l p k ho ch và ti n hành t t c các ho t ng kinh doanh theo Gi y phép thành l p và ho t ng do Ngân hàng Nhà n c c p, Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh và i u l này phù h p v i quy nh hi n hành c a pháp lu t và th c hi n các bi n pháp thích h p t c các m c tiêu c a Ngân hàng.

2. Ngân hàng có th ti n hành ho t ng kinh doanh trong các l nh v c khác c pháp lu t cho phép và c i h i ng c ông ho c H i ng qu n tr ph ê chu n theo quy nh t i i u l này.

3. Ngân hàng có ph m vi kinh doanh và ho t ng c trong n c và ngoài n c.

M c 3

CÁC HO T NG CHÍNH

Ngân hàng th c hi n các ho t ng chính sau ây theo quy nh pháp lu t:

i u 5. Ho t ng ngân hàng th ng m i

1. Huy ng v n

Ngân hàng huy ng v n đ i các hình th c sau:

a) Nh n ti ng i c a các t ch c, cá nhân và các t ch c tín d ng khác đ i các hình th c ti ng i không k h n, ti ng i có k h n và các lo i ti ng i khác;

b) Phát hành ch ng ch ti ng i, trái phi u và gi y t có giá khác huy ng v n c a t ch c, cá nhân trong n c và ngoài n c khi c Th ng c Ngân hàng Nhà n c ch p thu n;

c) Vay v n c a các t ch c tín d ng khác ho t ng t i Vi t Nam và c a t ch c tín d ng n c ngoài;

d) Vay v n ng n h n c a Ngân hàng Nhà n c đ i hình th c tái c p v n;

) Các hình th c huy ng v n khác theo quy nh c a Ngân hàng Nhà n c.

e) Vi c huy ng v n có th b ng ng Vi t Nam, ngo i t , v àng và các công c tài chính khác theo quy nh c a pháp lu t.

2. Ho t ng tín d ng

Ngân hàng c p tín d ng cho t ch c, cá nhân trong và ngoài n c đ i các hình th c sau:

a) Cho vay;

b) B o lãnh;

c) Cho thuê tài chính;

d) Chi t kh u công c chuy n nh ng và gi y t có giá khác;

) Bao thanh toán; và

e) Các hình th c khác theo qui nh c a pháp lu t.

3. D ch v thanh toán và ngân qu

a) Ngân hàng m tài kho n, cung ng d ch v thanh toán và ngân qu cho khách hàng trong n c và ngoài n c theo quy nh c a pháp lu t;

b) Ngân hàng t ch c h th ng thanh toán n i b và tham gia h th ng thanh toán trong n c và ngoài n c. Tham gia các h th ng thanh toán qu c t khi c các c quan nhà n c có th m quy n cho phép.

4. Các d ch v ngân hàng th ng m i khác

a) Kinh doanh trên th tr ng ti n t , th tr ng ngo i h i, th tr ng giao d ch k h n, phái sinh trong n c và n c ngoài phù h p v i quy nh pháp lu t và ph m vi ho t ng c a Ngân hàng;

b) Kinh doanh vàng trên th tr ng trong n c và th tr ng qu c t ;

c) c quy n y thác, nh n y thác, làm i lý trong các l nh v c liên quan n ho t ng ngân hàng, k c vi c qu n lý tài s n, v n u t c a t ch c, cá nhân trong và ngoài n c theo h p ng y thác, i lý;

d) T v n tài chính, ti n t cho khách hàng d i hình th c tr c ti p t v n cho khách hàng ho c thành l p Công ty có liên quan theo quy nh c a pháp lu t;

) B o qu n hi n v t quý, gi y t có giá, cho thu ê t két, c m và các d ch v khác theo quy nh c a pháp lu t;

e) Các ho t ng khác theo quy nh c a pháp lu t.

i u 6. Ho t ng ngân hàng u t

Ngân hàng th c hi n ho t ng ngân hàng u t tr c ti p ho c thông qua các công ty ch ng khoán, công ty qu n lý qu m à Ngân hàng n m c ph n chi ph i theo quy nh c a pháp lu t. Ho t ng ngân hàng u t bao g m nh ng không h n ch các lo i hình sau:

1. T v n tài chính doanh nghi p và u t ch ng khoán;
2. B o lãnh phát hành ch ng khoán;
3. Môi gi i và t doanh ch ng khoán;
4. Qu n lý và (ho c) phân ph i ch ng ch qu u t ch ng khoán;
5. Qu n lý danh m c u t ch ng khoán;
6. Ho t ng ngân hàng u t khác (n u có).

i u 7. B o hi m

Ngân hàng th c hi n cung ng các d ch v b o hi m sau ây d i hình th c thành l p công ty có liên quan ho c làm i lý cho các công ty b o hi m theo quy nh c a pháp lu t:

1. B o hi m nhân th ;
2. B o hi m phi nhân th ;
3. Tái b o hi m; và
4. Các lo i hình b o hi m khác theo quy nh c a pháp lu t.

i u 8. Các ho t ng khác

C n c các quy nh c a pháp lu t, Ngân hàng th c hi n các ho t ng khác bao g m các l nh v c nh ng không h n ch các lo i hình sau:

1. Góp v n, mua c ph n c a các doanh nghi p, t ch c tín d ng tron g và ngoài n c theo quy nh c a pháp lu t; và
2. Các ho t ng khác theo quy nh c a pháp lu t.

i u 9. Các h n ch m b o an toàn trong ho t ng

Trong quá trình ho t ng, Ngân hàng tuân th các quy nh v các h n ch b o m an toàn trong ho t ng theo quy nh c a Lu t Các t ch c tín d ng và theo quy nh c a pháp lu t có liên quan.

i u 10. Áp d ng i u c qu c t và t p quán qu c t trong ho t ng ngân hàng

1. Ngân hàng áp d ng i u c qu c t liên quan n ho t ng ngân hàng mà Vi t Nam ã ký k t ho c tham gia.

2. Ngân hàng có thể thu nợ vì khách hàng áp dụng tập quán quốc tế có liên quan đến hoạt động ngân hàng, nhưng tập quán đó không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Điều 11. Tổ chức chính trị - xã hội trong Ngân hàng

1. Các tổ chức chính trị - xã hội trong Ngân hàng hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Ngân hàng tôn trọng và tạo điều kiện cho người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức nêu trên Điều lệ này.

Chương II

V N I U L , C P H N , C P H I U , T R Á I P H I U

Mục 1

V N I U L

Điều 12. V n i u l

1. V n i u l của Ngân hàng là: 8.800.080.000.000 đồng (tám nghìn tám trăm triệu không trăm tám mươi triệu đồng).

2. V n i u l của Ngân hàng là vốn ghi trên Điều lệ Ngân hàng và được xác nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

Điều 13. Thay i v n i u l

Việc thay i v n i u l của Ngân hàng (tổng hợp giảm) phải thực hiện trên cơ sở quy định của Hội đồng quản trị và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thay i v n i u l theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

1. Các hình thức tăng vốn Ngân hàng:

a) Phát hành thêm chứng khoán huy động thêm vốn, kể cả chứng khoán cổ phiếu theo hình thức chuyển nhượng thành vốn góp chứng khoán theo thỏa thuận của Ngân hàng với các bên;

b) Chuyển trái phiếu chuyển đổi phát hành thành chứng khoán;

c) Thực hiện trả cổ tức bằng chứng khoán của Ngân hàng;

d) Kết chuyển nguồn thu nhập bổ sung tăng vốn;

đ) Các hình thức khác do Hội đồng quản trị quy định, phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.

2. Các hình thức giảm vốn Ngân hàng:

a) Ngân hàng mua lại và hủy bỏ chứng khoán phi ưu đãi có mệnh giá tăng vốn và vốn điều lệ của chi nhánh;

b) Ngân hàng thu hồi và hủy bỏ số lượng cổ phiếu có mệnh giá tương đương với số vốn điều lệ của chi nhánh;

c) Các hình thức khác do Hội đồng quy định, phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.

3. Việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng phải báo không có thẩm quyền pháp định của các tổ chức quản lý theo quy định của pháp luật.

4. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

5. Sau khi đã thay đổi vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng phải ký văn bản quản lý nhà nước có thẩm quyền và văn bản điều lệ và gửi văn bản của các quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận số vốn điều lệ đã đăng ký (bên sao có xác nhận của Công chứng Nhà nước) cho Ngân hàng Nhà nước, đăng thiếp đăng báo trung ương, áp dụng theo quy định của pháp luật về số vốn điều lệ.

6. Hội đồng quản trị Ngân hàng phải chịu trách nhiệm thực hiện pháp luật về việc thẩm định hồ sơ, thủ tục, điều kiện chấp thuận cho công góp vốn theo các yêu cầu quy định của Ngân hàng Nhà nước và điều lệ này.

Mục 2

C PH N, C PHI U, TRÁI PHI U

Điều 14. C ph n

1. Mệnh giá của Ngân hàng có mệnh giá là 10.000 (bằng chữ: Mười nghìn đồng). Số lượng cổ phiếu của Ngân hàng bằng vốn điều lệ chia cho mệnh giá mặt cổ phiếu.

2. Toàn bộ cổ phiếu của Ngân hàng vào ngày thông qua điều lệ này là cổ phiếu phổ thông.

3. Ngân hàng có thể phát hành các loại cổ phiếu ưu đãi, ưu đãi ưu đãi ưu đãi ưu đãi là công suất. Cổ phiếu ưu đãi gồm các loại sau:

a) Cổ phiếu ưu đãi ưu đãi;

b) Cổ phiếu ưu đãi ưu đãi;

c) Cổ phiếu ưu đãi khác do Hội đồng quy định phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.

4. Mệnh giá của cùng một loại cổ phiếu cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

Điều 15. Chào bán cổ phiếu

1. Hội đồng quản trị quy định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phiếu trong số cổ phiếu của quy định chào bán. Giá chào bán cổ phiếu không có thẩm quyền giá trị thực tế của cổ phiếu chào bán hoặc giá trị ghi trong sổ sách của công ty thì điểm giao nhận, trừ những trường hợp sau đây:

- a) C ph n chào bán cho t t c c ông theo t l c ph n hi n có c a h t i Ngân hàng;
- b) C ph n chào bán cho ng i lao ng, qu n lý, i u hành c a Ngân hàng ho c i t ng khác theo Ngh quy t c a i h i ng c ông;
- c) C ph n chào bán cho ng i môi gi i ho c ng i b o lãnh. Trong tr ng h p này, s chỉ t kh u ho c t l chỉ t kh u c th ph i c s ch p thu n c a s c ông i di n cho ít nh t 75% (b y m i l m ph n tr m) t ng s c ph n có quy n bi u quy t.

2. Tr ng h p Ngân hàng phát hành thêm c ph n ph thông và chào bán s c ph n ó cho t t c c ông ph thông theo t l c ph n hi n có c a h t i Ngân hàng thì ph i th c hi n theo quy nh sau ây:

- a) Ngân hàng ph i thông báo b ng v n b n n các c ông theo ph ng th c b o m n c a ch th ng trú (ho c a ch ng ký v i Ngân hàng) c a h . Thông báo ph i c ng báo trong ba s liên ti p trong th i h n 10 (m i) ngày làm vi c, k t ngày thông báo.
- b) Thông báo ph i có h , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s gi y ch ng minh nhân dân, h chi u, ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác c a c ông l à cá nhân; tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s quy t nh thành l p ho c s ng ký kinh doanh c a c ông l à t ch c; s c ph n và t l c ph n hi n có c a c ông c quy n mua; giá chào bán c ph n; th i h n ng ký mua; h , tên, ch ký c a ng i i di n theo pháp lu t c a Ngân hàng. Th i h n xác nh trong thông báo ph i h p lý c ông ng ký mua c c ph n. Kèm theo thông báo ph i có m u phi u ng ký mua c ph n do Ngân hàng phát hành.

c) C ông có quy n chuy n quy n u tiên mua c ph n c a mình cho ng i khác.

d) N u phi u ng ký mua c ph n không c g i v Ngân hàng úng h n nh ã thông báo thì c ông có liên quan coi nh không nh n quy n u tiên mua. Tr ng h p s l ng c ph n đ nh phát hành không c c ông và ng i nh n quy n u tiên mua ng ký mua h t thì s c ph n đ ki n phát hành còn l i s do H i ng qu n tr qu n lý. H i ng qu n tr có th phân ph i s c ph n ó cho c ông c a Ngân hàng ho c ng i khác theo cách th c h p lý v i i u ki n không thu n l i h n so v i nh ng i u ki n ã chào bán cho các c ông, tr tr ng h p i h i ng c ông có ch p thu n khác ho c c ph n c bán qua S giao d ch ch ng khoán ho c Trung tâm giao d ch ch ng khoán.

3. C ph n c coi là ã bán khi c thanh toán và nh ng thông tin v ng i mua quy nh t i i u l này c ghi úng, ghi vào S ng ký c ông; k t th i i m ó, ng i mua c ph n tr thành c ông c a Ngân hàng.

4. Sau khi c ph n c bán, Ngân hàng ph i phát hành và trao c phi u cho ng i mua. Ngân hàng có th bán c ph n mà không trao c phi u. Trong tr ng h p này, các thông tin v c ông quy nh t i i u l này c ghi vào S ng ký c ông là ch ng minh quy n s h u c ph n c a c ông ó trong Ngân hàng.

i u 16. Mua l i c ph n

1. Mua l i c ph n theo yêu c u c a Ngân hàng:

Ngân hàng có quy n mua l i không quá 30% (ba m i ph n tr m) t ng s c ph n ph thông ã bán ra, m t ph n ho c toàn b c ph n u ã c t c ã bán theo quy nh sau ây:

a) Hạn mức mua trái phiếu Ngân hàng có quy định quy định mua trái phiếu không quá 10% (mười phần trăm) tổng số phần trăm của tổng số trái phiếu chào bán trong mười hai (mười hai) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua trái phiếu phụ thuộc vào hạn mức quy định.

b) Hạn mức mua trái phiếu quy định giá mua trái phiếu. Trong trường hợp thông thường, giá mua trái phiếu không cao hơn giá thị trường của trái phiếu, trừ trường hợp quy định khác trong nội dung này. Trong trường hợp khác, Ngân hàng và công ty có liên quan không có thẩm quyền nào khác thì giá mua trái phiếu không vượt quá giá thị trường.

c) Ngân hàng có thể mua trái phiếu của công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán trong Ngân hàng. Trong trường hợp này, quy định mua trái phiếu của Ngân hàng phải được thông báo bằng phương thức công khai trên các công báo trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quy định có hiệu lực. Thông báo phải có tên, địa chỉ số chính của Ngân hàng, tổng số và loại trái phiếu mua, giá mua trái phiếu nguyên tắc giá mua trái phiếu, thời gian và thời hạn thanh toán, thời gian và thời hạn công báo chào bán của Ngân hàng.

Công ty dự định bán trái phiếu phải gửi chào bán của mình bằng phương thức công khai của Ngân hàng trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ tên, địa chỉ, ngày tháng, số Giấy chứng minh nhân dân, họ chữ họ của công ty cá nhân pháp nhân khác của công ty là cá nhân; tên, địa chỉ, ngày tháng, quốc tịch, số quy định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của công ty là tổ chức; số phần trăm và số phần chào bán; phương thức thanh toán; chi phí của công ty hoặc người đi kèm theo pháp luật của công ty. Ngân hàng chỉ mua trái phiếu chào bán trong thời hạn nói trên.

2. Mua trái phiếu theo yêu cầu của công ty:

a) Công ty bị quy định phải quy định về việc tổ chức của Ngân hàng hoặc thay đổi quy định, nghĩa vụ của công ty quy định tại Ngân hàng có quy định yêu cầu Ngân hàng mua trái phiếu của mình. Yêu cầu phải lập thành văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của công ty, số đăng ký kinh doanh, giá trị bán, lý do yêu cầu Ngân hàng mua trái phiếu. Yêu cầu phải gửi Ngân hàng trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày gửi hạn mức quy định thông qua quy định của các văn bản quy định tại khoản này.

b) Ngân hàng phải mua trái phiếu theo yêu cầu của công ty quy định tại khoản 2, khoản 1 và 2 của điều này về giá trị hoặc giá trị thanh toán trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thanh toán về giá trị công ty có thể bán trái phiếu cho người khác hoặc các bên có thẩm quyền mua trái phiếu chuyên nghiệp giá. Ngân hàng ghi chi phí ít nhất 3 (ba) phần trăm giá chuyên nghiệp của công ty là chi phí và là chi phí đó là quy định của cùng.

3. Thời hạn thanh toán và xử lý các phần của trái phiếu:

a) Ngân hàng chỉ quy định thanh toán của phần của trái phiếu cho công ty quy định tại khoản 1 và 2 của điều này ngay sau khi thanh toán hết số phần của trái phiếu, Ngân hàng văn bản thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác, bao gồm các tài khoản trong hồ sơ ngân hàng, văn bản quy định không vượt quá phạm vi pháp luật và các điều kiện liên quan khác do Ngân hàng Nhà nước quy định. Việc Ngân hàng mua trái phiếu của chính mình

phần của Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện nư ớc ngoài và các khoản chi trả của ngân hàng.

b) Các phần của mua lại theo quy định tại khoản 1 và 2 của Điều này được coi là các phần thu và thu của các phần của quy định chào bán.

c) Các phi ếu xác nhận quy định của pháp luật về mua lại được tiêu hủy ngay sau khi các phần nợ ngân ớc thanh toán ỹ. Chủ tịch Hội ồng quản trị và Tổng giám đốc phi ếu liên ối chịu trách nhiệm về tính ất do không tiêu hủy hoặc ch ếm tiêu hủy các phi ếu gây ra ối với Ngân hàng.

d) Sau khi thanh toán hết các phần mua lại, nút ngân giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Ngân hàng giảm hơn 10% (m ỗi phần trăm) thì Ngân hàng phải thông báo cho tất ể các bên liên ối trong thời hạn 15 (m ười l ăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết các phần mua lại.

Điều 17. Thu hồi các phần

1. Trường hợp ngân ớc quy định mua các phần không thanh toán ỹ và ứng hạn số tiền phải trả mua các phần, Hội ồng quản trị thông báo và có quy định yêu cầu công ố thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất có thể được lưu ể trên khoản tiền ố và nh ể chi phí phát sinh do việc không thanh toán ỹ gây ra cho Ngân hàng.

2. Thông báo thanh toán nêu tại khoản 1 của Điều này phải ghi rõ thời hạn thanh toán mà nh ể không ít hơn 7 (b ảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo, ả ể thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán ứng yêu cầu, số các phần của thanh toán hết số thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán ỹ tất ể các khoản phải trả, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội ồng quản trị có quy định thu hồi số các phần ố. Hội ồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các phần của thu hồi theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này và trong các trường hợp khác quy định tại Điều này.

4. Các phần của thu hồi hoặc các giao nộp sẽ trở thành tài sản của Ngân hàng. Hội ồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc g ể quy định cho ngân ể để xử lý các phần của thu hồi hoặc các ể khác theo nh ể qui định và cách thức mà Hội ồng quản trị ể là phù ể.

5. Công nợ mà các phần của thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải trả bằng cách công ể về nh ể các phần ố, nh ể văn ể phải thanh toán cho Ngân hàng tất ể các khoản tiền có liên quan của văn ể tiền lãi theo t ể do Hội ồng quản trị quy định nh ể không cao hơn lãi suất ngân hàng cùng kỳ hạn vào thời ể thanh toán hoặc giao nộp cho ể ngày thực hiện thanh toán. Hội ồng quản trị có toàn quyền quy định về việc công ể thanh toán toàn ể giá trị các phi ếu vào thời ể thanh toán hoặc giao nộp hoặc có thể miễn ể thanh toán một phần hoặc toàn ể số tiền ố.

6. Thông báo thu hồi số các ể ngân ể ngân ể các phần của thu hồi trước thời ể thanh toán. Việc thu hồi văn ể có hi ể các ể trong trường hợp có sai sót hoặc bất ể trong việc gửi thông báo.

ĐIỀU 18. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả cổ phần được chuyển nhượng trừ ngoại lệ này và pháp luật có quy định khác.

2. Chuyển nhượng thanh toán yêu cầu không chuyển nhượng và hưởng lợi.

3. Hội đồng quản trị quy định trình tự, thủ tục chuyển nhượng cổ phần phù hợp với các quy định pháp luật. Việc chuyển nhượng cổ phần thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay chứng phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải có bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện yêu cầu nhận ký. Bên chuyển nhượng văn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên cá nhân chuyển nhượng được ký vào sổ công. Trường hợp chuyển nhượng mặt trước chứng phiếu có ghi tên thì chứng phiếu của Ủy ban và Ngân hàng phát hành chứng phiếu ghi nhận số phần đã chuyển nhượng và số phần còn lại.

4. Các trường hợp chuyển nhượng cổ phần sau đây phải có Thẻ của Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi chuyển nhượng:

a) Các giao dịch mua bán chứng phần trả ngay (là mặt chứng phần chiếm từ 5% (năm phần trăm) vốn cổ phần có quy định của Ngân hàng);

b) Các giao dịch mua bán chứng phần do công an sở hữu mặt chứng phần trả ngay trực tiếp không sở hữu chứng phần trả ngay và ngược lại.

5. Công dân, công pháp nhân có đại diện văn góp là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc trong thời gian miễn chức danh trong thời gian 1 (một) năm, kể từ thời điểm không miễn chức danh, chuyển nhượng cổ phần bằng giấy viết thì từ 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phần mà mình sở hữu vào thời điểm chuyển nhượng cho Hội đồng quản trị miễn và phải có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước trước khi thực hiện việc chuyển nhượng cổ phần thì từ 15 (mười lăm) ngày làm việc trước phần chuyển nhượng.

6. Trong thời gian vắng mặt các họ theo quy định của Hội đồng công do trách nhiệm cá nhân, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không chuyển nhượng cổ phần, trừ trường hợp các thành viên này:

a) Là đại diện theo yêu cầu công là tổ chức sắp xếp, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản theo quy định pháp luật;

b) Bị bắt buộc chuyển nhượng cổ phần theo quy định của tòa án.

7. Việc chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng niêm yết thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Việc chuyển nhượng cổ phần của công tham gia góp vốn thành lập Ngân hàng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

ĐIỀU 19. Thắc mắc phần

1. Việc thắc mắc phần thực hiện theo quy định của Điều này, pháp luật về thắc và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Sau khi xu t trình y các gi y t ch ng minh quy n th a k h p pháp, ng i th a k th c hi n ng ký các lo i c ph n c th a k t i s ng ký c ô ng và tr thành c ô ng c a Ngân hàng, c h ng m i quy n l i và ngh a v c a c ô ng mà h th a k phù h p v i quy nh t i i u l này và pháp lu t có liên quan.

3. Ng i th a k c ph n c a các thành viên H i ng qu n tr , Ban ki m soát và ng i qu n lý khác c s h u c ph n nh ng không c ng nhiên th a k quy n làm thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát và các ch c danh qu n lý t ng ng.

i u 20. Gi i h n s h u c ph n

1. M t c ô ng cá nhân c s h u t i a 10% (m i ph n tr m) v n i u l c a Ngân hàng.

2. M t c ô ng là t ch c c s h u c ph n t i a 20% (hai m i ph n tr m) v n i u l c a Ngân hàng;

3. T l gi i h n s h u c ph n c a nhà u t n c ngoài i v i c ph n c a Ngân hàng c xác nh theo quy nh c a pháp lu t.

4. C ô ng và nh ng ng i có liên quan c a c ô ng ó c s h u t i a 20% v n i u l c a Ngân hàng.

5. Tr ng h p các t ch c, cá nhân n m gi trái phi u chuy n i, sau khi chuy n i trái phi u thành c phi u ph i tuân th gi i h n s h u c ph n t i i u này.

i u 21. S ng ký c ô ng

1. S ng ký c ô ng c l p và l u gi d i d ng v n b n, t p d li u i n t ho c c hai lo i này t khi Ngân hàng c c p gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh. S ng ký c ô ng ph i có các n i dung ch y u sau ây:

a) Tên, a ch tr s chính c a Ngân hàng;

b) T ng s c ph n c quy n chào bán, lo i c ph n c quy n chào bán và s c ph n c quy n chào bán t ng lo i;

c) T ng s c ph n ã bán c a t ng lo i và giá tr v n c ph n ã góp;

d) H , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s gi y ch ng minh nhân dân, h chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác i v i c ô ng là cá nhân; tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s quy t nh thành l p ho c s ng ký kinh doanh i v i c ô ng là t ch c;

) S l ng c ph n t ng lo i c a m i c ô ng, ngày ng ký c ph n.

2. S ng ký c ô ng c l u gi t i tr s chính c a Ngân hàng ho c trung tâm ng ký, l u ký, bù tr và thanh toán ch ng khoán. C ô ng có quy n ki m tra, tra c u ho c trích l c, sao chép n i dung s ng ký c ô ng trong gi làm vi c c a Ngân hàng ho c trung tâm ng ký, l u ký, bù tr và thanh toán ch ng khoán.

C ô ng s h u t 5% (n m ph n tr m) tr lên t ng s c ph n c a Ngân hàng có trách nhi m ng ký v i c quan nhà n c có th m quy n trong th i h n 7 (b y) ngày làm vi c, k t ngày có c t l s h u ó theo quy nh c a pháp lu t.

Điểm 22. Chứng phiếu

1. Chứng phiếu là chứng cứ do Ngân hàng phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quy định trong thống kê thanh toán của Ngân hàng. Chứng phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên.

2. Chứng phiếu của Ngân hàng phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;

b) Số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

c) Số lượng phần và loại phần;

d) Mệnh giá mỗi phần và tổng mệnh giá số phần ghi trên chứng phiếu;

e) Họ, tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cá nhân là tổ chức nếu chứng phiếu có ghi tên;

f) Tóm tắt nội dung chuyển nhượng phần;

g) Chữ ký của người đi theo pháp luật và địa chỉ của Ngân hàng;

h) Số đăng ký thuế của cá nhân và ngày phát hành chứng phiếu;

i) Các nội dung khác theo quy định tại các điểm 81, 82 và 83 của Luật Doanh nghiệp nếu chứng phiếu của phần này.

3. Chứng phiếu của Ngân hàng không được sử dụng để cầm tại Ngân hàng.

Điểm 23. Phát hành trái phiếu

Ngoài việc tuân thủ theo quy định tại điểm 88 Luật Doanh nghiệp, việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển nhượng và các loại trái phiếu khác của Ngân hàng phải tuân theo các quy định sau:

1. Tuân thủ quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn tại các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Việc trái phiếu chuyển nhượng:

a) Trái phiếu chuyển nhượng là loại trái phiếu có thể chuyển nhượng thành chứng phiếu thông qua Ngân hàng phát hành theo các điều kiện đã xác định trong phương án phát hành.

b) Việc Ngân hàng phát hành trái phiếu chuyển nhượng phải được thông qua và được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

c) Ngân hàng quy định về phương thức phát hành, thời điểm phát hành, thời hạn chuyển nhượng trái phiếu, thời hạn chuyển nhượng trái phiếu, biên bản đăng ký chứng phiếu, mục đích sử dụng nguồn thu từ phát hành trái phiếu chuyển nhượng, các quy định và nghĩa vụ của người sở hữu trái phiếu chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Thông tin này phải được công khai vào thời điểm phát hành trái phiếu chuyển nhượng.

d) Thủ tục, hồ sơ xin phát hành trái phiếu chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định của pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Chương III
CÁC UT CH C, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT NGÂN HÀNG

Mục 1
CÁC UT CH C QUẢN LÝ

Điều 24. Các ut ch c quản lý

Các ut ch c quản lý của Ngân hàng bao gồm:

- 1.ניהלה.
- 2.ניהלה.
3. Kiểm soát.
4. Giám sát.
5. Và bộ máy giúp việc.

Mục 2
CÔNG VÀ NHẬP CÔNG

Điều 25. Công

1. Công là nghiệp vụ của Ngân hàng, có các quy định và nghĩa vụ theo các phần và loại phần mà họ sở hữu.

2. Công của công nhân chính thức khi đóng tiền mua phần và ghi tên vào sổ ký công của Ngân hàng.

3. Việc công đi diễn theo quy định của công tại Ngân hàng thực hiện theo khoản 3, điều 96 Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 26. Quy định của công

1. Công phải có các quy định sau đây:

a) Các quy định theo quy định tại các điều a, b, c, d, e và g, khoản 1, điều 79 Luật Doanh nghiệp.

b) Công chuyển nhượng phần hoặc bán lại phần cho Ngân hàng theo quy định tại điều này và pháp luật có liên quan;

c) Công quy định bản quyền khác thực hiện các quy định và nghĩa vụ của mình; người công quy định công quy định bản quyền khác nếu công đồng ý.

d) Công hoặc nhóm công sở hữu trên 5% (năm phần trăm) tổng số phần vốn thông trong thị trường liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng, có các quy định theo quy định tại khoản 2, khoản 3, điều 79 Luật Doanh nghiệp.

) Vì c c ng i vào H i ng qu n tr , Ban ki m soát c th c hi n theo quy nh t i kho n 4, i u 79 Lu t Doanh nghi p nh ng danh sách ng c viên ph i c g i t i H i ng qu n tr theo th i h n do H i ng qu n tr quy nh.

2. C ông u ã bi u quy t có các quy n theo quy nh t i kho n 2, i u 81 Lu t Doanh nghi p.

3. C ông u ã c t c có các quy n theo quy nh t i kho n 2, i u 82 Lu t Doanh nghi p.

i u 27. Ngh a v c a c ông

1. C ông c a Ngân hàng ph i th c hi n các ngh a v sau:

a) Thanh toán s c ph n cam k t mua trong th i h n do Ngân hàng quy nh; ch u trách nhi m v các kho n n và ngh a v tài s n khác c a Ngân hàng trong ph m vi s v n ã góp vào Ngân hàng;

b) Không c rút v n c ph n ã góp ra kh i Ngân hàng d i m i hình th c d n n vi c gi m v n i u l c a Ngân hàng, tr tr ng h p c Ngân hàng ho c ng i khác mua l i c ph n theo quy nh t i i u l này. Tr ng h p có c ông rút m t ph n ho c toàn b v n c ph n ã góp trái v i quy nh t i kho n này thì thành viên H i ng qu n tr và ng i i di n theo pháp lu t c a Ngân hàng ph i cùng liên i ch u trách nhi m v các kho n n và ngh a v tài s n khác c a Ngân hàng trong ph m vi giá tr c ph n ã b rút;

c) Ch u trách nhi m tr c pháp lu t v tính h p pháp c a ngu n v n mua c ph n t i Ngân hàng;

d) Các ngh a v khác theo quy nh t i kho n 2, 3, 4 và 5, i u 80 Lu t Doanh nghi p.

2. C ông nh n y thác ut cho t ch c, cá nhân khác ph i cung c p thông tin v ch s h u th c s c a s c ph n mà mình nh n y thác ut ; n u không cung c p thông tin cho Ngân hàng, trong tr ng h p Ngân hàng phát hi n ra ch s h u th c s , Ngân hàng có quy n ình ch các quy n c ông liên quan n s c ph n không công khai ch s h u th c s .

3. Các ngh a v khác theo quy nh t i i u l này và quy nh c a pháp lu t.

i u 28. i h i ng c ông

1. i h i ng c ông g m t t c các c ông có quy n bi u quy t, l à c quan quy t nh cao nh t c a Ngân hàng.

2. C ông là t ch c có quy n c m t ho c m t s ng i i di n theo y quy n th c hi n các quy n c ông c a mình theo quy nh c a pháp lu t; tr ng h p có nhi u h n m t ng i i di n theo y quy n c c thì ph i xác nh c th s c ph n và s phi u b u c a m i i di n. Vì c c , ch m d t ho c thay i ng i i di n theo y quy n ph i c thông báo b ng v n b n cho Ngân hàng trong th i h n s m nh t. Thông báo ph i có các n i dung ch y u sau:

a) Tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s và ngày quy t nh thành l p ho c ng ký kinh doanh c a c ông;

b) S l ng c ph n, lo i c ph n và ngày ng ký c ông t i Ngân hàng;

c) H , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác c a ng i i di n theo y quy n;

d) S c ph n c y quy n i di n;

) Th i h n i di n theo y quy n;

e) H tên, ch ký c a ng i i di n theo y quy n và ng i i di n theo pháp lu t c a c ông.

i u 29. Quy n h n và nhi m v c a i h i ng c ông

1. i h i ng c ông có các quy n và nhi m v sau ây:

a) Thông qua nh h ng phát tri n c a Ngân hàng;

b) Quy t nh s a i, b sung i u l Ngân hàng;

c) Thông qua Quy nh n i b v t ch c ho t ng, ch c n ng, trách nhi m, quy n h n c a H i ng qu n tr và Ban ki m soát;

d) B u, mi n nhi m, bãi nhi m thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát phù h p v i các i u ki n và tiêu chu n quy nh t i i u l này;

) Quy t nh t ng m c thù lao, th ng và các l i ích khác hàng n m i v i H i ng qu n tr , Ban ki m soát và ngân sách ho t ng c a H i ng qu n tr , Ban ki m soát;

e) Xem xét và x lý các vi ph m c a H i ng qu n tr , Ban ki m soát gây thi t h i cho Ngân hàng và c ông c a Ngân hàng;

g) Thông qua ph ng án thay i m c v n i u l ; quy t nh lo i c ph n và t ng s c ph n c a t ng lo i c quy n chào bán;

h) Quy t nh vi c mua l i c ph n ã bán theo quy nh t i i u l này;

i) Thông qua ph ng án phát hành trái phi u chuy n i ;

k) Thông qua báo cáo tài chính h ng n m; ph ng án phân ph i l i nhu n;

l) Thông qua báo cáo c a H i ng qu n tr , Ban ki m soát v vi c th c hi n nhi m v quy n h n c giao;

m) Quy t nh các h p ng giao d ch c a Ngân hàng không thu c ph m vi, i t ng i u ch nh c m ho c h n ch theo quy nh c a Lu t Các t ch c tín đ ng và v n b n h ng đ n Lu t này v i thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c, c ông s h u m c c ph n tr ng y u và ng i có liên quan c a h có giá tr l n h n 20% (hai m i ph n tr m) v n t có c a Ngân hàng. Trong tr ng h p này, các c ông có liên quan không có quy n bi u quy t. H p ng ho c giao d ch c ch p thu n khi có s c ông i di n ít nh t 65% (sáu m i l m ph n tr m) t ng s phi u bi u quy t còn l i ng ý;

n) Quy t nh thành l p công ty tr c thu c;

o) Quy t nh t ch c l i, gi i th ho c yêu c u phá s n Ngân hàng;

p) Các quy n và nhi m v khác theo quy nh t i i u l này và pháp lu t có liên quan.

2. i h i ng c ông th ng niên th o lu n và thông qua t i thi u các v n quy nh t i các i m k và i m l, kho n l i u này và các v n khác thu c th m quy n theo quy nh t i i u l này và pháp lu t có liên quan.

i u 30. Th m quy n tri u t p h p i h i ng c ông

1. i h i ng c ông th ng niên c t ch c m i n m m t l n do H i ng qu n tr tri u t p trong th i h n 4 (b n) tháng k t ngày k t thúc n m tài chính ho c không quá 6 (sáu) tháng k t ngày k t thúc n m tài chính khi có s ch p thu n c a c quan ng ký kinh doanh theo ngh c a H i ng qu n tr .

2. H i ng qu n tr tri u t p h p i h i ng c ông b t th ng trong các tr ng h p sau:

a) H i ng qu n tr xét th y c n thi t v i l i ích c a Ngân hàng;

b) B ng cân i k toán hàng n m, các báo cáo quý ho c n a (1/2) n m ho c báo cáo ki m toán c a n m tài chính ph n ánh v n i u l ã b m t m t n a;

c) Khi s thành viên c a H i ng qu n tr ít h n s thành viên mà lu t pháp quy nh ho c ít h n m t n a s thành viên quy nh trong i u l này;

d) C ông ho c nhóm c ông quy nh t i i m d, kho n l, i u 26 c a i u l này yêu c u tri u t p i h i ng c ông b ng m t v n b n ki n ngh . V n b n ki n ngh tri u t p ph i nêu rõ lý do và m c ích cu c h p, có ch ký c a các c ông liên quan (v n b n ki n ngh có th l p thành nhi u b n có ch ký c a t t c các c ông có liên quan);

) Theo yêu c u c a Ban ki m soát;

e) Theo yêu c u c a Ngân hàng Nhà n c;

g) Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t v à i u l này.

3. H i ng qu n tr ph i tri u t p h p i h i ng c ông trong th i h n 30 (ba m i) ngày, k t ngày s thành viên H i ng qu n tr còn l i nh quy nh t i i m c, kho n 2 i u này ho c nh n c yêu c u quy nh t i i m a, b, v à e, kho n 2 i u này.

4. Tr ng h p H i ng qu n tr không tri u t p h p i h i ng c ông nh quy nh t i các kho n 2 và 3 i u này thì trong th i h n 30 (ba m i) ngày t i p theo, Ban ki m soát ph i thay th H i ng qu n tr tri u t p h p i h i ng c ông theo quy nh c a i u l này và quy nh c a pháp lu t.

5. Tr ng h p Ban ki m soát không tri u t p h p i h i ng c ông theo quy nh t i kho n 4 i u này thì c ông ho c nhóm c ông c c p t i i m d, kho n l, i u 26 i u l này ã yêu c u có quy n thay th H i ng qu n tr, Ban ki m soát tri u t p h p i h i ng c ông theo quy nh c a i u l này và quy nh c a pháp lu t. Trong tr ng h p này, c ông ho c nhóm c ông tri u t p h p i h i ng c ông có th ngh c quan ng ký kinh doanh giám sát v i c tri u t p và t i n hành h p n u xét th y c n thi t.

6. a i m h p i h i ng c ông là trên lãnh th Vi t Nam.

7. Tổng chi phí cần thiết để triển khai và tiến hành hình thức công theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 của Điều này sẽ do Ngân hàng hoàn trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do công chi tiêu khi tham gia hình thức công, kể cả chi phí nhân và lãi.

8. Trưởng phòng Hình thức ngân quỹ, Ban kiểm soát không thể hiện cam kết quy định tại các khoản 3 và 4 của Điều này thì Trưởng phòng Hình thức ngân quỹ, Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải chịu hình thức phạt tiền do Ngân hàng.

Điều 31. Thông báo hình thức, chương trình và nội dung hình thức công

1. Người triển khai hình thức công tại Điều 30, Điều này phải lập danh sách công có quy định hình thức và biểu quyết; chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và danh sách mời mời khách mời trong chương trình họp.

2. Danh sách công có quy định hình thức phải lập xong chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc hội đồng. Danh sách công có quy định hình thức công phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, họ chữ họ công chức cá nhân hình thức pháp khác nếu công là cá nhân; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số giấy kinh doanh của công là tổ chức; số đăng ký kinh doanh, số và ngày đăng ký công của công.

3. Người triển khai hình thức công gửi thông báo triển khai hình thức công cho tất cả các công có quy định hình thức chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày khai mạc hội đồng (tính từ ngày mà thông báo công gửi hoặc chuyển đi theo cách hợp lệ, kể cả chi phí hoặc chi trả vào hôm đó). Thông báo hình thức phải có họ, tên, địa chỉ thực sự, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nội dung đăng ký kinh doanh của Ngân hàng; họ, tên, địa chỉ thường trú của công hoặc người đại diện theo quy định của công, thời gian và địa chỉ họp. Kèm theo thông báo hình thức phải có chương trình họp, các tài liệu tham luận làm cơ sở thông qua quyết định và danh sách mời khách mời trong chương trình họp, mục đích hội đồng theo quy định hình thức.

4. Nếu công đã thể hiện việc đăng ký hình thức, thông báo hình thức công có thể công bố công khai trên cổng thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán (nếu công đăng ký công khai trên website của Ngân hàng, lần đầu tiên công bố công khai trên báo chí của Ngân hàng hoặc trên truyền hình). Nếu công chưa thể hiện việc đăng ký hình thức, thông báo hình thức công có thể công bố công khai bằng cách chuyển tin nhắn hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bưu điện hoặc bằng cách công bố công khai qua công bố công khai thông tin. Trưởng phòng công đã thông báo cho Ngân hàng bằng văn bản hoặc fax hoặc bằng phương thức khác, thông báo hình thức công có thể công bố công khai qua fax hoặc bằng phương thức khác. Trưởng phòng công là người làm việc trong Ngân hàng, thông báo có thể công bố công khai bằng phương thức khác. Trưởng phòng Ngân hàng có website, thông báo hình thức công phải công bố trên website của Ngân hàng bằng phương thức công bố công khai cho các công.

5. Công hoặc nhóm công có thể tiếp cận, khoản 1, Điều 26 Điều này có quy định xuất các văn bản vào chương trình họp hình thức công. Xuất phát từ làm bằng văn bản và phải công bố công khai cho Ngân hàng ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai

m c i h i n g c ô n g . x u t p h i b a o g m h v à t ê n c ô n g , s l n g v à l o i c p h n c ô n g h o c n h ó m c ô n g n m g i v à n i d u n g n g h a v à o c h n g t r ì n h p .

6. Ng i t r i u t p h p i h i n g c ô n g c ó q u y n t c h i n h n g x u t l i ê n q u a n n k h o n 5 i u n à y t r o n g c á c t r ñ g h p s a u :

a) x u t c g i n k h o n g ú n g t h i h n h o c k h o n g , k h o n g ú n g n i d u n g ;

b) V à o t h i i m x u t , c ô n g h o c n h ó m c ô n g k h o n g c ó t r ê n 5 % (n m p h n t r m) t n g s c p h n p h t h o n g t r o n g t h i g i a n l i ê n t c í t n h t 6 (s á u) t h á n g ;

c) V n x u t k h o n g t h u c p h m v i t h m q u y n c a i h i n g c ô n g b à n b c v à t h o n g q u a .

7. Ng i t r i u t p h p i h i n g c ô n g p h i c h p n h n v à a k i n n g h q u y n h t i k h o n 5 i u n à y v à o d k i n c h n g t r ì n h v à n i d u n g c u c h p , t r t r ñ g h p q u y n h t i k h o n 6 i u n à y ; k i n n g h c c h í n h t c b s u n g v à o c h n g t r ì n h v à n i d u n g c u c h p n u c i h i n g c ô n g c h p t h u n .

8. H i n g q u n t r p h i c h u n b d t h o n g q u y t c h o t n g v n t r o n g c h n g t r ì n h h p .

9. T r ñ g h p t t c c ô n g i d i n 100 % (m t t r m p h n t r m) s c p h n c ó q u y n b i u q u y t t r c t i p t h a m d h o c t h o n g q u a i d i n c y q u y n t i i h i n g c ô n g , n h n g q u y t n h c i h i n g c ô n g n h t t r í t h o n g q u a u c c o i l à h p l k c t r o n g t r ñ g h p v i c t r i u t p i h i n g c ô n g k h o n g t h e o ú n g t h t c h o c n i d u n g b i u q u y t k h o n g c ó t r o n g c h n g t r ì n h .

i u 32. Q u y n d h p i h i n g c ô n g

1. C á c c ô n g c á n h a n h o c n g i i d i n t h e o y q u y n c ô n g l à t c h c c ó q u y n t r c t i p t h a m d i h i n g c ô n g h o c y q u y n c h o n g i k h á c t h a m d c u c h p . N g i c y q u y n k h o n g n h t t h i t l à c ô n g c a N g a n h à n g . V i c y q u y n c t h c h i n t h e o q u y n h c a i u l n à y v à p h á p l u t c ó l i ê n q u a n .

2. T r ñ g h p c ô n g l à p h á p n h a n m i t c h c l i h o c t h a k q u y n v à n g h a v c ô n g t h i c ô n g n à y g i c h o H i n g q u n t r c á c v n b n c ó h i u l c p h á p l ý v v i c t c h c l i h o c t h a k H i n g q u n t r q u y t n h v c ô n g , c p h i u , c p h n v à n g i c d h p t h e o q u y n h c a p h á p l u t .

3. T r ñ g h p c p h n c c h u y n n h n g t r o n g t h i g i a n t n g à y l p x o n g d a n h s á c h c ô n g n n g à y k h a i m c h p i h i n g c ô n g t h i n g i n h n c h u y n n h n g c ó q u y n d h p i h i n g c ô n g t h a y t h c h o n g i c h u y n n h n g i v i s c p h n ã c h u y n n h n g .

i u 33. C á c i u k i n t i n h à n h h p i h i n g c ô n g

1. i h i n g c ô n g c t i n h à n h k h i c ó s c ô n g d h p i d i n c h o í t n h t 65 % (s á u m i l m p h n t r m) t r o n g t n g s c p h n c ó q u y n b i u q u y t .

2. T r ñ g h p c u c h p l n t h n h t k h o n g i u k i n t i n h à n h t h e o q u y n h t i k h o n 1 , i u n à y t h i c t r i u t p h p l n t h h a i t r o n g t h i h n 30 (b a m i) n g à y k t n g à y d n h t c h c i h i n g c ô n g l n t h n h t . i h i n g c ô n g t r i u t p l n t h h a i c h

c tín hành khi có thành viên tham dự là các công và nh ng i di n c y quy n đ h p i di n cho ít nh t 51% (n m m i ph n tr m) t ng s c ph n có quy n bi u quy t.

3. Tr ng h p i h i l n th hai không c tín hành do không có s i bi u c n thi t theo quy nh t i kho n 2 i u này thì i h i ng c ông l n th ba có th c tri u t p trong vòng 20 (hai m i) ngày k t ngày đ nh tín hành i h i l n hai và trong tr ng h p này i h i c tín hành không ph thu c vào s l ng c ông hay i di n y quy n tham đ và c coi là h p l và có quy n quy t nh t t c các v n mà i h i ng c ông l n th nh t có th phê chu n.

4. Theo ngh Ch t a, i h i ng c ông có quy n thay i ch ng trình h p ã c g i kèm theo thông báo m i h p theo quy nh t i i u l này.

i u 34. Th th c tín hành h p và bi u quy t t i i h i ng c ông

1. Vào ngày t ch c i h i ng c ông, Ngân hàng ph i th c hi n th t c ng ký c ông và ph i th c hi n vi c ng ký cho n khi các c ông có quy n đ h p có m t ng ký h t.

2. Khi tín hành ng ký c ông, Ngân hàng s c p cho t ng c ông ho c i di n c y quy n có quy n bi u quy t m t th bi u quy t ho c các phi u bi u quy t, trên ó có ghi s ng ký, h và tên c a c ông, h và tên i di n c y quy n và s phi u bi u quy t c a c ông ó. Khi tín hành bi u quy t b ng th t i h i, s th ng h ng quy t c m tr c, s th ph n i ng quy t c m sau, cu i cùng m t ng s phi u tán thành hay ph n i quy t nh. T ng s phi u ng h , ph n i t ng v n ho c b phi u tr ng, s c Ch t a thông báo ngay sau khi tín hành bi u quy t v n ó. Khi bi u quy t b ng các phi u bi u quy t có th bao g m nhi u v n c n l y bi u quy t. K t qu ki m phi u bi u quy t s c xác l p thành biên b n riêng. i h i s t ch n trong s i bi u nh ng ng i ch u trách nhi m ki m phi u ho c giám sát ki m phi u và n u i h i không ch n thì Ch t a s ch n nh ng ng i ó.

3. Công n đ i h i ng c ông mu n có quy n ng ký ngay v à sau ó có quy n tham gia và bi u quy t ngay t i i h i. Ch t a không có trách nhi m đ ng i h i cho c ông n mu n ng ký và hi u l c c a các t bi u quy t ã tín hành tr c khi c ông n mu n tham đ s không b nh h ng.

4. i h i ng c ông s do Ch t ch H i ng qu n tr ch trì, tr ng h p Ch t ch H i ng qu n tr v ng m t thì Phó ch t ch H i ng qu n tr ho c là ng i c i h i ng c ông b u ra s ch trì. Tr ng h p không ai trong s h có th ch trì i h i, thành viên H i ng qu n tr ch c v cao nh t có m t s t ch c h p b u ra Ch t a c a i h i ng c ông, Ch t a không nh t thi t ph i là thành viên H i ng qu n tr. Ch t ch, Phó ch t ch ho c Ch t a c i h i ng c ông b u ra c m t th ký ho c T th ký l p biên b n i h i. Tr ng h p b u Ch t a, tên Ch t a c c và s phi u b u cho Ch t a ph i c công b . Ch t a i h i ng c ông có th ng h m t ch t a oàn v i s l ng không quá 3 (ba) ng i cùng ch trì i h i.

5. Ch t a có quy n hoãn cu c h p i h i ng c ông ã có s ng i ng ký đ h p theo quy nh n m t th i i m khác ho c thay i a i m h p trong các tr ng h p sau ây:

- a) a i m h p không có ch ng i thu n tín cho t t c ng i đ h p;

b) Có nguy cơ dẫn đến hành vi cố gắng trốn tránh, gây rủi ro, có nguy cơ làm cho cuộc họp không đạt được hiệu quả công việc và hiệu quả;

c) Thời gian hoãn lại không quá 3 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp diễn ra.

6. Trường hợp chậm trễ hoặc không chấp hành đúng quy định của khoản 5 điều này, Hội đồng quản trị khác trong số những người điều hành thay thế tại cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiện lực các biên bản quy định của cuộc họp không bắt buộc.

7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết nếu khi Hội đồng quản trị có thể chấp thuận và có thể; hoặc Hội đồng Quản trị mong muốn các thành viên tham dự.

8. Người điều hành Hội đồng có thể yêu cầu các thành viên đi đến công ty quy định của Hội đồng để kiểm tra hồ sơ các biên bản pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có các thành viên đi đến công ty quy định không tuân thủ quy định về kiểm tra hồ sơ các biên bản pháp an ninh nói trên, người điều hành Hội đồng sau khi xem xét một cách cẩn thận có thể chấp thuận các thành viên đi đến nói trên ra khỏi cuộc họp.

9. Người điều hành Hội đồng, sau khi đã xem xét một cách cẩn thận, có thể tiến hành các biện pháp của Hội đồng quản trị cho là thích hợp:

a) Yêu cầu ngừng việc có mặt tại nơi làm việc chính của Hội đồng;

b) Bảo đảm an toàn cho mình và gia đình;

c) Yêu cầu Hội đồng tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Hội đồng.

Người điều hành Hội đồng có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nêu trên nếu cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức khác.

10. Trong trường hợp Hội đồng có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định rằng Hội đồng có thể:

a) Thông báo rằng Hội đồng có mặt tại nơi làm việc trong thông báo và chủ tịch Hội đồng có mặt tại đó (“a i m chính của Hội đồng”);

b) Bất cứ trường hợp nào của Hội đồng quy định không chấp hành theo điều khoản này hoặc những người không tham gia vào Hội đồng khác về a i m chính của Hội đồng có thể tham dự Hội đồng;

Thông báo về việc chấp hành Hội đồng không cần nêu chi tiết những biện pháp chấp hành theo điều khoản này.

11. Trong điều khoản này (trừ khi hoàn toàn yêu cầu khác), mọi thành viên của Hội đồng được coi là tham gia vào Hội đồng a i m chính của Hội đồng.

Điều 35. Thông qua quyết định của Hội đồng

1. Hội đồng thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tập thể theo quy định của pháp luật về ngân hàng và tài chính. Hội đồng thông thường niên không có thẩm quyền biểu quyết bằng hình thức tập thể.

2. Các quyết định thông qua tập thể phải được Hội đồng trực tiếp và quy định tham dự ít nhất 100% (mười phần trăm) tổng số thành viên có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay khi trình bày và thảo luận, nội dung chính trình bày và thảo luận hành động không có sự chỉ định quy định.

3. Quyết định của Hội đồng phải được thông báo nội dung có quy định hợp pháp Hội đồng trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày quyết định thông qua.

4. Quyết định của Hội đồng về các vấn đề quy định tại các mục a, b, d, e, g, i, k, l, m và o, khoản 1, Điều 29 của Luật này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tập thể theo quy định của pháp luật về ngân hàng.

5. Quyết định của Hội đồng được thông qua tập thể khi bỏ phiếu như sau đây:

a) Các thành viên ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số biểu quyết của các thành viên có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền có mặt tại hội họp;

b) Các biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo quy định của pháp luật, theo số lượng thành viên có mặt tổng số biểu quyết bằng tổng số thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và các thành viên có quyền bỏ phiếu của mình cho một hoặc nhiều thành viên.

c) Các thành viên ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số biểu quyết của các thành viên dự họp chấp thuận nội dung sau:

- Quyết định về loại hình và tài sản của công ty;
- Quyết định của Hội đồng;
- Quyết định về cơ cấu tổ chức, giới thiệu Hội đồng;
- Quyết định về số vốn hoặc tài sản của công ty trong trường hợp chào bán cho người môi giới hoặc người bỏ phiếu.

6. Thẩm quyền và thẩm quyền của Hội đồng bằng văn bản thông qua quyết định của Hội đồng thực hiện theo quy định tại Điều 105, Luật Doanh nghiệp. Trường hợp thông qua quyết định bằng hình thức tập thể ngân hàng và tài chính thì quyết định của Hội đồng được thông qua nếu các thành viên ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số biểu quyết của các thành viên có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền có mặt tại hội họp.

Điểm 36. Thủ tục quy định và thủ tục ký kết ngân hàng và ngân hàng thông qua quy định của pháp luật

Thủ tục quy định và thủ tục ký kết ngân hàng và ngân hàng thông qua quy định của pháp luật như sau đây:

1. Thủ tục quy định có quy định ký kết ngân hàng và ngân hàng thông qua quy định của pháp luật ngân hàng bắt đầu từ thời điểm nào thì tùy thuộc vào lợi ích của Ngân hàng.

2. Thủ tục quy định phải tuân thủ quy định pháp luật, đồng thời quy định pháp luật và tài liệu ghi trình duyệt quy định. Thủ tục ký kết kèm theo duyệt quy định và tài liệu ghi trình duyệt phải ghi rõ nội dung thủ tục bỏ mẫu cách thức quy định của ngân hàng.

3. Thủ tục ký kết phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nội dung đăng ký kinh doanh của Ngân hàng;

b) Mục đích và các vấn đề liên quan thông qua quy định;

c) Họ, tên, địa chỉ quy định, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của công đồng là cá nhân; tên, địa chỉ quy định, quốc tịch, số quy định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của công đồng hoặc đi kèm theo quy định của công đồng là tổ chức; số đăng ký pháp nhân tại nơi và số thủ tục quy định của công đồng;

d) Phương án bảo vệ quy định bảo đảm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

đ) Thời hạn phải gửi Ngân hàng thủ tục ký kết để xử lý;

e) Họ, tên, chức vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đi kèm theo pháp luật của Ngân hàng.

4. Thủ tục ký kết để xử lý phải có chữ ký của công đồng là cá nhân, của người đi kèm theo quy định hoặc người đi kèm theo pháp luật của công đồng là tổ chức.

5. Thủ tục ký kết gửi Ngân hàng phải được niêm phong kín và không ai được quy định mở khi ký kết thủ tục. Các thủ tục ký kết gửi Ngân hàng sau thời hạn xác định nội dung thủ tục ký kết hoặc đã bị mở không hợp lệ.

6. Thủ tục quy định ký kết thủ tục và lập biên bản ký kết thủ tục để Ban kiểm soát hoặc công đồng không nắm giữ quyền lý Ngân hàng. Biên bản ký kết thủ tục phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng, nội dung đăng ký kinh doanh;

b) Mục đích và các vấn đề liên quan thông qua quy định;

c) Số công việc thủ tục quy định để tham gia bảo vệ quy định, trong đó phân biệt thủ tục quy định hợp lệ và thủ tục quy định không hợp lệ, kèm theo phôi danh sách công đồng tham gia bảo vệ quy định;

d) Thủ tục ký kết tán thành, không tán thành và không có ý kiến về nội dung;

) Các quy t nh ã c thông qua;

e) H , tên, ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr , ng i i di n theo pháp lu t c a Ngân hàng và c a ng i giám sát ki m phi u.

Các thành viên H i ng qu n tr và ng i giám sát ki m phi u ph i liên i ch u trách nhi m v tính trung th c, chính xác c a biên b n ki m phi u; liên i ch u trách nhi m v các thi t h i phát sinh t các quy t nh c thông qua do ki m phi u không trung th c, không chính xác.

7. Biên b n k t qu ki m phi u ph i c g i n các c ông trong th i h n 15 (m i l m) ngày, k t ngày k t thúc ki m phi u.

8. Phi u l y ý ki n ã c tr l i, biên b n ki m phi u, toàn v n quy t nh ã c thông qua và tài li u có liên quan g i kèm theo phi u l y ý ki n u ph i c l u gi t i tr s chính c a Ngân hàng.

9. Quy t nh c thông qua theo hình th c l y ý ki n c ông b ng v n b n có giá tr nh quy t nh c thông qua t i cu c h p i h i ng c ông.

i u 37. Các i di n c y quy n

1. Các c ông có quy n tham d i h i ng c ông theo lu t pháp có th tr c ti p tham d ho c y quy n cho i di n c a mình tham d . Tr ng h p có nhi u h n m t ng i i di n theo y quy n c c thì ph i xác nh c th s c ph n và s phi u b u c a m i ng i i di n.

2. Vi c y quy n cho ng i i di n đ h p i h i ng c ông ph i l p thành v n b n theo m u c a Ngân hàng và ph i có ch ký theo quy nh sau ây:

a) Tr ng h p c ông cá nhân là ng i y quy n thì ph i có ch ký c a c ông ó và ng i c y quy n đ h p;

b) Tr ng h p ng i i di n theo y quy n c a c ông là t ch c là ng i y quy n thì ph i có ch ký c a ng i i di n theo y quy n, ng i i di n theo pháp lu t c a c ông và ng i c y quy n đ h p;

c) Trong tr ng h p khác thì ph i có ch ký c a ng i i di n theo pháp lu t c a c ông và ng i c y quy n đ h p.

Ng i c y quy n đ h p i h i ng c ông ph i n p v n b n y quy n tr c khi vào phòng h p.

3. Tr ng h p lu t s thay m t cho ng i y quy n ký gi y ch nh i di n, vi c ch nh i di n trong tr ng h p này ch c coi là có hi u l c n u gi y ch nh i di n ó c xu t trình cùng v i th y quy n cho lu t s ho c b n sao h p l c a th y quy n ó (n u tr c ó ch a ng ký v i Ngân hàng).

4. Tr tr ng h p quy nh t i kho n 3 i u này, phi u bi u quy t c a ng i c y quy n đ h p trong ph m vi c y quy n v n có hi u l c khi có m t trong các tr ng h p sau ây:

a) Ngân quỹ quy định về chi tiêu, bổ sung nhân sự ngân hàng và nhân sự chi nhánh;

b) Ngân quỹ quy định về chi tiêu ngân quỹ;

c) Ngân quỹ quy định về chi tiêu ngân quỹ chi tiêu chi nhánh ngân quỹ.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Ngân hàng nhận được thông báo về mất trong các số kỳ niêm yết 24 (hai mươi bốn) giờ trước khi khai mạc cuộc họp hội đồng hoặc trước khi cuộc họp trực tiếp.

Điều 38. Thay đổi các quy định

1. Các quy định của hội đồng liên quan đến việc phân chia Ngân hàng sẽ chia thành các loại phần khác nhau, và việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quy định bị tước quyền lợi về lợi ích phần sẽ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của hai phần ba số thành viên có mặt (bảy mươi lăm phần trăm) quy định quy tắc áp dụng phần đã phát hành lợi ích.

2. Việc chuyển nhượng cổ phiếu trên đây có giá trị khi có sự nhất trí của hai hội đồng (hoặc ủy ban quy định của họ) và sự nhất trí của phần ba giá trị danh nghĩa của các phần lợi ích đã phát hành. Trường hợp không có sự nhất trí trên thì sẽ chấp thuận trong vòng ba mươi ngày sau đó và nếu không thì sẽ được phần thu lợi ích (không phải thu vào sổ đăng ký và sổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua ủy ban quy định ủy ban coi là sổ đăng ký ủy ban yêu cầu. Tất cả các cuộc họp riêng biệt nêu trên, nếu không thì sẽ được phần thu lợi ích có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bồi thường và bồi thường khi bồi thường có mặt lá phiếu cho mỗi phần sẽ thu lợi ích.

3. Tất cả tiến hành các cuộc họp riêng biệt này về việc chi tiêu ngân quỹ về các quy định điều 33 và điều 35 của luật này.

4. Trường hợp điều khoản phát hành phần quy định khác, các quy định bị tước quyền lợi về lợi ích phần có quy định về việc sửa đổi hoặc thay đổi các văn bản liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Ngân hàng sẽ không thay đổi khi Ngân hàng phát hành thêm các phần cùng loại.

Điều 39. Biên bản họp hội đồng

1. Người chủ trì hội đồng chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản hội đồng và gửi cho tất cả các hội đồng trong vòng mười lăm (15) ngày khi hội đồng kết thúc. Biên bản hội đồng sẽ coi là bản chính xác thực về nội dung công việc đã tiến hành tại hội đồng trừ khi có ý kiến phản đối nội dung biên bản của ra theo đúng quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải có chữ ký của Giám đốc, có chữ ký xác nhận của Chủ tịch và Thư ký, có chữ ký theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều 1 của luật này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ sách ký của các hội đồng dự họp và văn bản quy định tham dự phải có chữ ký của tất cả các thành viên chính của Ngân hàng.

2. Trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày bắt đầu cuộc họp, tất cả các quy định của hội đồng được thông qua phải được gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố Ngân hàng trực tiếp.

điều 40. Yêu cầu quy định của Hội đồng

Trong tháng 90 (chín m i) ngày, k t ngày nh n c biên b nh p i h i ng c ông ho c biên b n k t qu ki m phi u l y ý ki n i h i ng c ông, c ông, th ành viên H i ng qu n tr , T ng giám c, th ành viên Ban ki m soát có quy n yêu c u To à án ho c Tr ng tài xem xét, h y b quy t nh c a i h i ng c ông trong các tr ng h p sau ày:

1. Trình t và th t c tri ut p cu ch p i h i ng c ông không th c hi n úng theo quy nh c a i u l này và quy nh c a pháp lu t; ho c
2. Trình t , th t c ra quy t nh và n i dung quy t nh vi ph m các quy nh c a i u l này ho c pháp lu t.

M c 3

H I NG QU N TR

điều 41. Thành phần và nhi m k c a Hội đồng qu n tr

1. Hội đồng qu n tr là c quan qu n tr Ngân hàng, có toàn quy n nhân danh Ngân hàng quy t nh, th c hi n các quy n và ngh a v c a Ngân hàng tr nh ng v n thu c th m quy n c a i h i ng c ông.

2. S l ng thành viên Hội đồng qu n tr ít nh t là 5 (n m) ng i và nhi u nh t là 11 (m i m t) ng i. Nhi m k c a Hội đồng qu n tr là 5 (n m) n m. Nhi m k c a thành viên Hội đồng qu n tr không quá 5 (n m) n m; thành viên Hội đồng qu n tr có th c b u l i v i s nhi m k không h n ch . T i thi u 1/2 (m t ph n hai) t ng s th ành viên Hội đồng qu n tr ph i là ng i không kiêm nhi m và thành viên c l p, trong ó có t i thi u 2 (hai) thành viên c l p. Ch t ch Hội đồng qu n tr có th là thành viên c l p.

3. Tr ng h p s l ng các ng viên Hội đồng qu n tr thông qua c và ng c v n không s l ng c n thi t, Hội đồng qu n tr ng nhi m có th c thêm ng c viên ho c t ch c c theo m t c ch do Ngân hàng quy nh. C ch c hay cách th c Hội đồng qu n tr ng nhi m c ng c viên Hội đồng qu n tr ph i c công b rõ ràng và ph i c i h i ng c ông thông qua tr c khi ti n hành c .

4. Vi c b nhi m các thành viên Hội đồng qu n tr ph i c thông báo theo các quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán và các quy nh pháp lu t khác có liên quan.

5. Vi c b u, b nhi m Ch t ch và các thành viên Hội đồng qu n tr c a Ngân hàng ph i c Th ng c Ngân hàng Nhà n c chu n y.

6. Thành viên Hội đồng qu n tr không nh t thi t ph i là ng i n m gi c ph n c a Ngân hàng.

điều 42. Quy nh n và nhi m v c a Hội đồng qu n tr

1. Ch u trách nhi m tr c pháp lu t, tr c i h i ng c ông trong vi c th c hi n nhi m v , quy nh n c giao.

2. Quy định chỉ định, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Ngân hàng.

3. Quy định về cấu trúc cơ cấu tài chính, bộ phận kế toán nội bộ, sự giao dịch, chi nhánh, công ty trực thuộc, văn phòng đại diện, văn phòng nghiên cứu.

4. Quy định về cơ cấu giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, thành lập văn phòng nghiên cứu.

5. Nhiệm vụ, thẩm quyền, bãi nhiệm, kỷ luật, khen thưởng và quy định về mặt lợi ích khác nhau về các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thủ ký Hội đồng quản trị, các chức danh thuộc bộ phận kế toán nội bộ, Giám đốc giao dịch, chi nhánh, công ty trực thuộc, văn phòng nghiên cứu, Trưởng văn phòng đại diện và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị trên cơ sở quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.

6. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.

7. Công khai đại diện văn phòng của ngân hàng tổ chức doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.

8. Quy định các khoản cho vay, bảo lãnh có giá trị lớn hơn 10% (mười phần trăm) vốn tự có của Ngân hàng trên cơ sở đảm bảo các quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng, các giao dịch thuộc thẩm quyền quy định của Hội đồng quản trị Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị.

9. Quy định các hình phạt giao dịch của Ngân hàng không thuộc phạm vi, thẩm quyền của Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, công nhân viên chức nhân sự và người có liên quan của Hội đồng quản trị có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai phần trăm) vốn tự có của Ngân hàng. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.

10. Quy định chế độ kiểm toán độc lập theo quy định của Hội đồng quản trị.

11. Chịu trách nhiệm về các vấn đề có liên quan đến bộ phận kế toán nội bộ, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

12. Kiểm tra, giám sát, chức năng Tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ phân công; đánh giá hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.

13. Ban hành các Quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ này, trình Hội đồng quản trị thẩm quyền của Ban kiểm soát hoặc Hội đồng quản trị.

14. Quy định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.

15. Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

16. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá tài sản không phải là tài sản Việt Nam, ngoại tệ do chuyên nghiệp, vàng theo quy định của pháp luật.

17. Trình Thủ tục Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoặc chuyển các văn bản theo quy định của pháp luật.
18. Kinh nghiệm về tổ chức, quản lý, giám sát hoạt động của pháp nhân Ngân hàng.
19. Quy trình chào bán cổ phần mới trong phạm vi sơ cấp nhằm quy định chào bán cổ phần công khai.
20. Quy trình giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng.
21. Quy trình mua trái phiếu của ngân hàng theo quy định của pháp luật này.
22. Trình báo cáo quy định tài chính hàng năm liên quan đến chi phí hoạt động.
23. Kinh nghiệm phân tích rủi ro, quản lý rủi ro; quy trình thẩm định và thực hiện các dự án phát triển trong quá trình kinh doanh.
24. Chuyển đổi nội dung, tài liệu liên quan trình chi phí hoạt động quy định các văn bản thủ tục quy định chi phí hoạt động, trình ngân hàng nội dung thủ tục chuyển đổi nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
25. Duy trì chi nhánh, nội dung, tài liệu phục vụ chi phí hoạt động; trình thủ tục chi phí hoạt động hoặc lý do chi phí hoạt động bằng văn bản thông qua quy định.
26. Thực hiện khai, kiểm tra, giám sát về thực hiện các quy định, quy trình của chi phí hoạt động hoặc của Hội đồng quản trị.
27. Các nhiệm vụ và quy định khác theo quy định của pháp luật này và pháp luật.

Điều 43. Chức năng Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bao gồm Chủ tịch và (các) Phó chủ tịch trong số các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải là công dân Việt Nam trong số thành viên của mình.
2. Quy định và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị:
 - a) Trình Thủ tục và chấp thuận các dự án chi phí hoạt động;
 - b) Lập chi nhánh, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - c) Chuyển đổi nội dung, tài liệu, chi nhánh phục vụ các dự án chi phí hoạt động hoặc lý do chi phí hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị; trình Thủ tục và chấp thuận các dự án chi phí hoạt động;
 - d) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quy định, quy trình của Hội đồng quản trị; thực hiện và giám sát hoặc thực hiện giám sát về thực hiện các quy định;
 - e) Mời mời các thành viên Hội đồng quản trị nhận thông tin, khách quan, chính xác, và liên quan đến các văn bản mà Hội đồng quản trị phải xem xét;

g) Chủ nhiệm kiêm làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị phải có thể hiện đầy đủ ngân sách và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

h) Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc phân công và các nhiệm vụ quy định của họ;

i) Giám sát Tổng giám đốc trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

k) Đánh giá hiệu quả làm việc của thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị tại Hội nghị thường niên và báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả đánh giá này;

l) Mời báo cáo viên báo cáo về tình hình tài chính, hoạt động và các vấn đề chung, kể cả các vi phạm quy định của Ngân hàng, với Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên cấp khác của Hội đồng quản trị;

m) Các quy định và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch Ủy ban ngân sách cho một Phó chủ tịch hoặc một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quy định và nhiệm vụ của mình trong thời gian Chủ tịch vắng mặt và thông báo cho các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Ngân hàng biết về việc ủy quyền này. Nếu Chủ tịch vắng mặt mà không ủy quyền cho một thành viên khác của mình thì các thành viên còn lại bầu một Phó chủ tịch tạm thời để Chủ tịch. Trường hợp Chủ tịch và Phó chủ tịch vắng mặt hoặc không thể làm việc thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bầu một người khác trong số Hội đồng quản trị theo nguyên tắc如上.

Điều 44. Quy định và nhiệm vụ của Thành viên Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị có những quy định và nhiệm vụ sau:

1. Cùng với các thành viên khác của Hội đồng quản trị Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều này.

2. Thực hiện các nhiệm vụ và quy định của một thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy định của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của Ngân hàng.

3. Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên cấp chủ nhiệm, có ý kiến hoặc yêu cầu người quản trị, Hội đồng Ngân hàng, kiểm toán viên cấp và kiểm toán viên nội bộ ghi trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

4. Bảo vệ nhiệm vụ và bất nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

5. Yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định của Điều này và pháp luật.

6. Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị theo quy định của Điều này và pháp luật.

7. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ này, trừ trường hợp không biểu quyết vì xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước hội đồng công và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình.

8. Trình khai thác hiện các quyết định của Hội đồng công và ngành quyết của Hội đồng quản trị.

9. Có trách nhiệm giám trình trước Hội đồng công, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ giao khi có yêu cầu.

10. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

Điều 45. Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị

1. Các thành viên Hội đồng quản trị nhận thù lao công việc và tiền thưởng dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng.

2. Hội đồng quản trị đánh giá mức thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Hội đồng công quyết định tại các cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phụ ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng, phụ báo cáo Hội đồng công tại các cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nhận mức thù lao (bao gồm cả chi phí Chiết khấu hoặc Phó chiết khấu), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ủy ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện công việc khác mà theo quan niệm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dựa trên mức công trình gói theo từng lần, lần, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị thanh toán các chi phí, , liên quan và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ giao. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng.

Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc diện quy định khoản 2, Điều 63 Điều lệ này;

b) Có năng lực nghiệp vụ trên cơ sở tuân thủ quy định của Điều 65 và Điều 66 Điều lệ này;

c) Hiệu lực về hoạt động ngân hàng:

(i) Có bằng cấp học trên cấp đại học ngành kinh tế hoặc luật; hoặc

(ii) Có ít nhất 3 (ba) năm làm quản lý doanh nghiệp hoặc trong ngành tài chính ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, kế toán, kiểm toán; hoặc

(iii) Là công cá nhân s h u ít nh t 5% (n m ph n tr m) t ng s v n c ph n ph thông có quy n bi u quy t c a Ngân hàng, và: có ch ng ch xác nh n ã qua ch ng trình ào t o v ngân hàng c a c quan có th m quy n ho c có ít nh t 1 (m t) n m làm vi c trong ngành ngân hàng.

2. Thành viên H i ng qu n tr c l p là thành viên áp ng các i u ki n theo kho n 1 i u này và các yêu c u sau:

a) Không ph i là ng i ang làm vi c cho Ngân hàng ho c công ty tr c thu c c a Ngân hàng ho c ã làm vi c cho Ngân hàng ho c công ty tr c thu c c a Ngân hàng b t k th i gian nào trong 3 (ba) n m li n k tr c ó.

b) Không ph i là ng i ang h ng l ng, thù lao, ph c p khác c a Ngân hàng ngoài nh ng kho n c h ng theo tiêu chu n thành viên H i ng qu n tr .

c) Không ph i là ng i mà v , ch ng, cha, cha nuôi, m , m nuôi, con, con nuôi, anh, ch , em ru t c a mình s h u t 5% (n m ph n tr m) s c ph n có quy n bi u quy t tr lên c a Ngân hàng; là ng i qu n lý ho c thành viên Ban ki m soát c a Ngân hàng ho c công ty tr c thu c c a Ngân hàng vào th i i m hi n t i ho c b t k th i gian nào.

d) Không tr c ti p ho c i di n s h u t 1% (m t ph n tr m) s c ph n có quy n bi u quy t tr lên c a Ngân hàng.

) Không cùng Ng i có liên quan theo quy nh t i i u l này s h u t 5% (n m ph n tr m) s c ph n có quy n bi u quy t tr lên c a Ngân hàng.

3. Ngoài các i u ki n, tiêu chu n quy nh t i i u này thành viên H i ng qu n tr c a Ngân hàng ph i tuân th các quy nh hi n hành c a pháp lu t có liên quan.

i u 47. ng nhiên m t t cách, bãi nhi m, mi n nhi m thành viên H i ng qu n tr

1. Các tr ng h p ng nhiên m t t cách thành viên H i ng qu n tr :

a) M t n ng l c hành vi dân s ho c ch t.

b) Vi ph m kho n 2, i u 63 i u l này;

c) T cách pháp nhân c a c ông là t ch c (mà thành viên H i ng qu n tr ó là ng i i di n v n góp) ch m d t.

d) T cách làm ng i i di n theo y quy n ch m d t.

) B tòa án quy t nh tr c xu t kh i lãnh th n c C ng hòa xã h i ch ngh a Vi t Nam.

e) Ngân hàng b thu h i gi y phép thành l p và ho t ng;

g) Quy t nh c a Th ng c Ngân hàng Nhà n c chu n y ch c danh nhi m k m i có hi u l c mà thành viên H i ng qu n tr ó không c b nhi m l i.

2. Trong th i h n 5 (n m) ngày làm vi c, k t ngày xác nh c (các) thành viên H i ng qu n tr b ng nhiên m t t cách theo quy nh t i i m a, b, c, d và , kho n 1 i u này, H i ng qu n tr ph i có v n b n báo cáo kèm tài li u ch ng minh c th g i Ngân hàng Nhà n c và ph i ch u trách nhi m v tính chính xác, trung th c c a báo cáo n ày tr c pháp lu t;

ng thi th c hi n các th t c b u, b nhi m ch c danh b khuy t theo các quy nh c a pháp lu t.

3. Ch t ch và thành viên H i ng qu n tr c a Ngân hàng sau khi b xác nh m t t cách ng nhiên v n ph i ch u trách nhi m cá nhân i v i các quy t nh trái v i quy nh c a pháp lu t và i u l này ho c các quy t nh c ý làm sai c a mình trong th i gian ng nhi m.

4. Ch c danh c Th ng c Ngân hàng Nhà n c chu n y tr c ây c a nh ng ng i b m t t cách ng nhiên quy nh t i kho n l i u này ng nhiên h t hi u l c.

5. Ch t ch và thành viên H i ng qu n tr b xem xét bãi nhi m, mi n nhi m trong các tr ng h p sau:

a) N ng l c hành vi dân s b h n ch ;

b) Có n xin t ch c (trong ó nêu rõ lý do t ch c);

c) Không m b o yêu c u v tính c l p i v i thành viên H i ng qu n tr c l p;

d) Không tham gia các ho t ng c a H i ng qu n tr trong 6 (sáu) tháng li ên t c tr tr ng h p b t kh kháng;

e) B c quan qu n lý Nhà n c xác nh là vi ph m nghiêm tr ng các quy nh t i i u 65 và i u 66 i u l này.

f) Khi c quan có th m quy n b u, b nhi m xét th y c n thi t.

g) Các tr ng h p khác theo quy nh c a i u l này và pháp lu t.

6. Ch t ch và thành viên H i ng qu n tr c a Ngân hàng sau khi b mi n nhi m, bãi nhi m v n ph i ch u trách nhi m cá nhân i v i các quy t nh trái v i quy nh c a pháp lu t và i u l này, ho c các quy t nh c ý làm sai c a mình trong th i gian ng nhi m.

7. Ch c danh ã c Th ng c Ngân hàng Nhà n c chu n y ng nhiên h t hi u l c khi b mi n nhi m, bãi nhi m theo quy t nh c a c quan có th m quy n c a Ngân hàng.

8. Trong th i h n 5 (n m) ngày làm vi c, k t ngày thông qua quy t nh mi n nhi m, bãi nhi m i v i (các) thành viên H i ng qu n tr theo quy nh t i kho n 5 i u này, H i ng qu n tr Ngân hàng ph i có v n b n thông báo kèm tài li u ch ng minh c th g i Ngân hàng Nhà n c và ph i ch u trách nhi m v tính chính xác, trung th c c a báo cáo này tr c pháp lu t; ng thi th c hi n các th t c b u, b nhi m ch c danh b khuy t theo các quy nh c a pháp lu t.

i u 48. Các cu c h p c a H i ng qu n tr

1. Tr ng h p H i ng qu n tr b u Ch t ch thì cu c h p u tiên c a nhi m k H i ng qu n tr b u Ch t ch và ra các quy t nh khác thu c th m quy n ph i c t i n hành trong th i h n 7 (b y) ngày làm vi c, k t ngày k t thúc b u c H i ng qu n tr nhi m k ó. Cu c h p này do thành viên có s phi u b u cao nh t tri u t p. Tr ng h p có nhi u h n m t thành viên có s phi u b u cao nh t và ngang nhau thì các thành viên ã b u theo nguyên t c a s m t ng i trong s h tri u t p h p H i ng qu n tr.

2. H i ng qu n tr có th h p nh k ho c b t th ng. H i ng qu n tr có th h p t i tr s chính c a Ngân hàng ho c n i khác.

3. Cuộc họp nhậm chức Hội đồng quản trị do Chủ tịch trực tiếp tổ chức lúc nào sau đây
thực hiện thì, như ít nhất là một quý phải họp một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải trực tiếp họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau:

a) Có nghị quyết của Ban kiểm soát;

b) Có nghị quyết của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 5 (năm) cán bộ quản lý;

c) Có nghị quyết ít nhất 2 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;

d) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật khác có liên quan.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người trực tiếp họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo miệng phẩm nhất 5 (năm) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo miệng phải xác nhận thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề luận và quyết định. Kèm theo thông báo miệng phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phụ lục ủy quyền của thành viên.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người trực tiếp gửi thông báo miệng và các tài liệu kèm theo các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc như là thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền đề xuất cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền đề luận như như không ủy quyền.

7. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị của Chủ tịch ủy quyền phải trực tiếp họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được một trong các nghị quyết theo Điều lệ này. Trường hợp Chủ tịch hoặc người ủy quyền không trực tiếp họp Hội đồng quản trị theo nghị quyết thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra về Ngân hàng, trường hợp không trực tiếp họp là vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người họp Hội đồng quản trị có quyền trực tiếp họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị đề nghị ủy quyền của Chủ tịch ủy quyền.

8. Ngân hàng quy định trong Quy định nội bộ của Hội đồng quản trị các trường hợp phải họp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo miệng họp Hội đồng quản trị trong trường hợp cần họp.

9. Cuộc họp Hội đồng quản trị của tổ chức hành chính khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng quản trị có quyền ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc người khác ủy quyền bằng văn bản. Trường hợp ủy quyền bằng văn bản, phụ lục ủy quyền phải niêm phong kín và phải chuyển nội dung của cuộc họp Hội đồng quản trị chậm nhất là 1 (một) giờ trước khi khai mạc. Phụ lục ủy quyền của chủ trì cuộc họp phải có chữ ký của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.

10. Thành viên Hội đồng quản trị của ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị đề nghị ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, người ủy quyền đề nghị ủy quyền không ủy quyền.

11. Quy định của Hội đồng quản trị được thông qua nhưng các phiếu tán thành, bao gồm các phiếu bầu quy định và bầu và bầu quy định theo quy định; trong hợp số phiếu ngang nhau thì quy định cùng thu về phía có ý kiến càng nhiều.

Điều 49. Sản phẩm dịch vụ tín dụng chuyên nghiệp

Hội đồng quản trị và các ủy ban của Hội đồng quản trị có quyền thuê nhân viên và tín dụng viên, các kế toán viên, và các tín dụng viên bên ngoài khác thực hiện các công việc liên quan phù hợp với luật và quy định của pháp luật, nhưng không được thực hiện quy định và nhiệm vụ của ngân hàng chi phí của Ngân hàng mà không cần phải tham khảo trước từ các thành viên quản lý của Ngân hàng.

Mục 4 TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 50. Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng.
2. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị thuê hoặc bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về thực hiện các quy định và nhiệm vụ của giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 5 (năm) năm từ ngày Hội đồng quản trị có quy định khác. Tổng giám đốc có thể bổ nhiệm lại với nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Quyền và nhiệm vụ của Tổng giám đốc:
 - a) Quy định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày mà không cần phải có quy định của Hội đồng quản trị.
 - b) Thực hiện các quy định của Hội đồng quản trị;
 - c) Thực hiện kế hoạch kinh doanh và phê duyệt các ngân sách của Ngân hàng;
 - d) Kiến nghị phê duyệt các quyết định, quy định nội bộ Ngân hàng;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Ngân hàng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 - f) Quy định nội bộ và phê duyệt các cán bộ, nhân viên và người lao động trong Ngân hàng;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phê duyệt các kế hoạch quản lý trong kinh doanh;
 - i) Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua các báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, báo cáo ngân sách, số liệu quy định toán và các thông tin tài chính khác;
 - k) Thiết lập các quy trình, thủ tục tác nghiệp và hành vi trong hoạt động kinh doanh, hành vi thông tin báo cáo;

l) Báo cáo v i H i ng qu n tr , Ban ki m soát, i h i ng c ông v à các c quan Nhà n c có th m quy n v ho t ng, hi u qu v à k t qu kinh doanh c a Ngân hàng theo quy nh c a pháp lu t và i u l này;

m) c quy t nh áp d ng các bi n pháp v t th m quy n c a mình trong tr ng h p kh n c p (thiên tai, ch h a, h a ho n, s c) và ch u trách nhi m v nh ng quy t nh ó, sau ó ph i báo cáo ngay H i ng qu n tr gi i quy t ti p;

n) Ki n ngh , xu t vi c t ch c, qu n tr và ho t ng Ngân hàng nh m nâng cao ch t l ng, hi u qu ho t ng c a Ngân hàng trình H i ng qu n tr ho c i h i ng c ông quy t nh theo th m quy n;

o) ngh tri u t p h p H i ng qu n tr b t th ng theo quy nh t i i u l này;

p) Các quy n và nhi m v khác theo quy nh c a i u l này và pháp lu t có liên quan.

i u 51. Giúp vi c cho T ng giám c

1. Giúp vi c cho T ng giám c là các Phó T ng giám c, K toán tr ng, Tr ng các phòng, ban ch c n ng và các ch c danh khác theo quy nh c a Ngân hàng.

2. Phó T ng giám c tr giúp T ng giám c trong vi c qu n lý, i u h ành m t ho c m t s l nh v c ho t ng c a Ngân hàng theo phân công c a T ng giám c, báo cáo và ch u trách nhi m tr c T ng giám c và tr c pháp lu t v nhi m v c T ng giám c phân công.

3. S l ng Phó T ng giám c do H i ng qu n tr quy t nh trên c s xu t c a T ng giám c.

4. K toán tr ng giúp T ng giám c ch o th c hi n công tác k toán, th ng kê c a Ngân hàng, có các quy n và nhi m v theo quy nh c a pháp lu t và n i b ngân hàng.

i u 52. Tiêu chu n và i u ki n làm T ng giám c, Phó T ng giám c

1. T ng giám c Ngân hàng ph i áp ng các tiêu chu n và i u ki n sau:

a) Không thu c i t ng quy nh t i kho n 2, i u 63 i u l này;

b) Có o c ngh nghi p trên c s tuân th theo quy nh t i i u 65 và i u 66 i u l này;

c) Có trình chuyên môn và kinh nghi m:

(i) Có b ng i h c ho c trên i h c v ngành tài chính ngân hàng và có ít nh t 03 n m làm T ng giám c (Giám c), Phó T ng giám c (Phó Giám c), Giám c n v tr c thu c (chi nhánh, s giao d ch, công ty tr c thu c) c a ngân hàng th ng m i; ho c

(ii) Có b ng i h c ho c trên i h c v các ngành không ph i ngành tài chính ngân hàng và có ít nh t 5 (n m) n m làm T ng giám c (Giám c), Phó T ng giám c (Phó Giám c), Giám c n v tr c thu c (chi nhánh, s giao d ch, công ty tr c thu c) c a ngân hàng th ng m i;

d) C trú t i Vi t Nam trong th i gian ng nhi m.

2. Phó T ng giám c Ngân hàng ph i áp ng các tiêu chu n và i u ki n sau:

a) Không thu c i t ng quy nh t i kho n 2, i u 63 i u l này;

b) Có trình chuyên môn và kinh nghi m:

(i) Có b ng i h c ho c trên i h c v ngành kinh t , lu t ho c l nh v c chuyên môn mà mình s m nhi m; ho c

(ii) Có b ng i h c ho c trên i h c ngoài các ngành, l nh v c nêu trên và có ít nh t 03 n m làm vi c tr c ti p trong ngành tài chính ngân hàng ho c l nh v c chuyên môn mà mình s m nhi m.

c) C trú t i Vi t Nam trong th i gian ng nhi m.

3. Ngoài các i u ki n, tiêu chu n quy nh t i i u này T ng giám c, Phó T ng giám c c a Ngân hàng ph i tuân th các quy nh hi n hành c a pháp lu t có liên quan.

i u 53. ng nhiên m t t cách, mi n nhi m, bãi nhi m T ng giám c

1. T ng giám c ng nhiên m t t cách T ng giám c trong các tr ng h p sau:

a) M t n ng l c hành vi dân s ho c ch t;

b) Vi ph m quy nh t i kho n 2, i u 63 i u l này;

c) B toà án quy t nh tr c xu t kh i lãnh th n c C ng hòa xã h i ch ngh a Vi t Nam;

d) Ngân hàng b thu h i gi y phép thành l p và ho t ng;

) Quy t nh c a Th ng c Ngân hàng Nhà n c chu n y ch c danh T ng giám c c a nhi m k m i có hi u l c;

e) H p ng thuê T ng giám c h t hi u l c.

2. Trong th i h n 5 (n m) ngày làm vi c, k t ngày xác nh c T ng giám c b ng nhiên m t t cách theo quy nh t i i m a, b, c, d và e, kho n l i u này, H i ng qu n tr c a Ngân hàng ph i có v n b n báo cáo kèm tài li u ch ng minh c th g i Ngân hàng Nhà n c và ph i ch u trách nhi m v tính chính xác, trung th c c a báo cáo này tr c pháp lu t; ng th i th c hi n các th t c b u, b nhi m ch c danh b khuy t theo các quy nh c a pháp lu t.

3. T ng giám c c a Ngân hàng sau khi b xác nh m t t cách ng nhiên v n ph i ch u trách nhi m cá nhân i v i các quy t nh trái v i quy nh c a pháp lu t và i u l này, ho c các quy t nh c ý làm sai c a mình trong th i gian ng nhi m.

4. Ch c danh c Th ng c Ngân hàng Nhà n c chu n y tr c ây c a T ng giám c b m t t cách ng nhiên quy nh t i kho n l i u này ng nhiên h t hi u l c.

5. T ng giám c c a Ngân hàng b xem xét bãi nhi m, mi n nhi m trong các tr ng h p sau:

a) N ng l c hành vi dân s b h n ch ;

b) Có n xin t ch c (trong ó nêu rõ lý do xin t ch c);

c) Ban giám đốc Ngân hàng Nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định từ Điều 65 và Điều 66 Điều lệ này.

d) Khi cần có thẩm quyền bổ, bãi nhiệm xét thực tiễn.

g) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

6. Tổng giám đốc Ngân hàng sau khi bổ nhiệm, bãi nhiệm vận hành chịu trách nhiệm cá nhân về việc các quy định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng hoặc các quy định khác ý làm sai của mình trong thời gian công nhiệm.

7. Chức danh Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chủ yếu ứng nhiệm từ thị trường bổ nhiệm, bãi nhiệm theo quy định của cơ quan có thẩm quyền của Ngân hàng.

8. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quy định bổ nhiệm, bãi nhiệm về việc các vị trí theo quy định từ Điều 5 Điều lệ này, Hội đồng quản trị Ngân hàng phải có văn bản thông báo kèm tài liệu chứng minh chức vụ Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục bổ, bãi nhiệm chức danh bổ khuyết theo các quy định của pháp luật.

Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thông báo, Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục bổ nhiệm hoặc thuê Tổng giám đốc mới.

Mục 5

BAN KIỂM SOÁT

Điều 54. Thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động Ngân hàng nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Ngân hàng.

2. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ 3 (ba) đến 5 (năm) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Số thành viên Ban kiểm soát chuyên trách không ít hơn 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên. Ban kiểm soát bổ nhiệm thành viên làm Trưởng ban.

3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Hội đồng công bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 5 (năm) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể công bố lợi ích cá nhân không hạn chế.

Điều 55. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ này trong quản trị, Điều lệ Ngân hàng; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng công bổ nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ, quy định của giao.

2. Ban hành Quy định nội bộ của Ban kiểm soát. Định kỳ hàng năm, xem xét lại Quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quản trị rủi ro kế toán và báo cáo.

3. Chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến phần kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Có quyền sử dụng mọi nguồn lực

và quy định tính chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan nội
họ tên quản lý, nội dung Ngân hàng thực hiện nhiệm vụ giao.

4. Thẩm định báo cáo tài chính 6 (sáu) tháng đầu năm và hàng năm của Ngân hàng, bao
gồm các báo cáo tài chính đã kê khai toán bằng các khoản toán chi phí chi tiêu. Báo cáo
tính toán công nợ và thanh toán báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp
pháp, trung thực và mức độ chênh lệch trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị
lên Hội đồng.

5. Xem xét sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, nội dung hoạt động của
Ngân hàng khi thực hiện theo quy định của Hội đồng công tác theo yêu cầu
của các công đoàn nhóm công nhân theo quy định tại Điều 1, khoản 1, nội dung 26 nội dung này. Ban
kiểm soát triển khai thực hiện kiểm tra trong tháng 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận
được yêu cầu của các công đoàn nhóm công nhân nêu trên. Trong tháng 15 (mười lăm) ngày, kể
từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, ghi trình vấn đề yêu cầu
kiểm tra Hội đồng quản trị và công đoàn nhóm công nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban
kiểm soát quy định tại khoản này không có chi phí, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong
việc quản lý, nội dung hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

6. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện trong hợp đồng của ngân
quản lý Ngân hàng theo quy định tại nội dung này và quy định pháp luật hiện hành có liên quan,
đồng thời yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có gì pháp khắc phục hậu quả
(nếu có). Lập danh sách những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên
Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và công tác sáng lập, công tác hợp tác ngân hàng của Ngân
hàng, lưu giữ và cập nhật danh sách này.

7. Những Hội đồng quản trị hợp pháp theo hợp đồng Hội đồng quản trị tự phải
hội đồng công tác hợp pháp theo quy định tại nội dung này và pháp luật.

8. Tự phải phải phải phải phải phải phải phải phải phải phải phải phải phải phải phải phải phải
quy định về phạm vi phạm nghiêm trọng quy định tại nội dung này hoặc có quy định vượt quá thẩm
quy định giao và trình hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

9. Các nhiệm vụ và quy định khác theo quy định của pháp luật.

Điều 56. Quy định và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát

Trưởng Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quy định như sau:

1. Thực hiện triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quy định của Ban kiểm soát theo quy
định tại nội dung này.

2. Chủ trì công tác trình cho các chủ tịch của Ban kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn
đề và mối quan tâm của tất cả thành viên Ban kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quy định của
Ban kiểm soát; tự phải và chủ tịch của Ban kiểm soát.

3. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản nhận thức thẩm quyền của Ban kiểm soát.

4. Thay mặt Ban kiểm soát tự phải phải phải phải phải phải phải phải phải phải phải phải
Hội đồng quản trị hợp pháp theo quy định tại nội dung này.

5. Chủ nhiệm kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát theo Quy định nội bộ của Ngân hàng.

6. Mời mời các thành viên Ban kiểm soát nhận các thông tin ý kiến, khách quan, chính xác và trung thực từ các văn phòng mà Ban kiểm soát phải xem xét.

7. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc phân công và nhiệm vụ, quy định của Ban kiểm soát.

8. Yêu cầu mời mời thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.

9. Các nhiệm vụ và quy định khác theo quy định pháp luật.

Điều 57. Quy định và nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát có các nhiệm vụ và quy định sau:

1. Thực hiện các nhiệm vụ và quy định của thành viên Ban kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của Ngân hàng và cộng đồng.

2. Bảo mật nhiệm vụ, bí mật Trust của Ban kiểm soát.

3. Yêu cầu Trust của Ban kiểm soát tri tư tập thể Ban kiểm soát bất kỳ.

4. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiểm tra các sai phạm nếu có.

5. Yêu cầu yêu cầu cán bộ, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và ghi trình các hoạt động kinh doanh thực hiện nhiệm vụ phân công.

6. Báo cáo Trust của Ban kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình.

7. Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thu c nhiệm vụ, quy định của Ban kiểm soát, trình bày ý kiến có xung đột lợi ích.

8. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến và đưa ra kiểm tra, những không biểu quyết.

9. Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với các quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trình Hội đồng.

10. Các nhiệm vụ, quy định khác theo quy định Điều lệ này và pháp luật.

Điều 58. Quy định về cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp,phiếu lý do ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phiếu gửi thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức mời mời thành viên Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Ngân hàng phát hành gửi thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức mời mời thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Ban kiểm soát có quy định các hồ sơ, tài liệu của Ngân hàng lưu trữ chính, chi nhánh và các địa điểm khác; có quy định các địa điểm lưu trữ tài liệu và nhân viên Ngân hàng làm việc.

4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo yêu cầu của Ban kiểm soát, phải báo cáo kịp thời các báo cáo các thông tin tài chính và các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng quản trị sẵn sàng cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng ta cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 59. Thù lao và các chi phí khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và hưởng các lợi ích khác theo quy định của Hội đồng công. Hội đồng công quy định mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát được đưa vào sổ ngày làm việc để tính, sổ lương và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên;

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tiện ích và các chi phí khác. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát theo Hội đồng công chấp thuận, trừ trường hợp Hội đồng công có quy định khác;

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải công bố thành phần riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng.

Điều 60. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1. Không thuộc diện theo quy định khoản 2, Điều 63 Điều lệ này;

2. Có năng lực nghiệp vụ trên cơ sở tuân thủ theo quy định Điều 65 và Điều 66 Điều lệ này;

3. Có bằng cấp học tập trên cấp đại học ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình đảm nhiệm và có ít nhất 3 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính kế toán, kiểm toán;

4. Không phải là người có liên quan của người quản lý của Ngân hàng;

5. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đảm nhiệm.

6. Ngoài các điều kiện, tiêu chuẩn quy định Điều lệ này thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

Điều 61. Nguyên tắc cách, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Các trường hợp nguyên nhân miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát:

a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;

b) Vi phạm khoản 2, điều 63 của Luật này;

c) Tác cách pháp nhân của công là tác cách (mà thành viên Ban kiểm soát đó là người đi đến góp) chi tiết;

d) Tác cách làm người đi đến theo quy định chi tiết;

đ) Bộ tòa án quy định trách nhiệm xử lý khi lãnh đạo của Công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

e) Ngân hàng bắt thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;

g) Quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chủ yếu của danh sách nhiệm vụ của công nhân viên Ban kiểm soát đó không có nhiệm vụ.

2. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định (các) thành viên Ban kiểm soát bắt đầu nhiệm vụ theo quy định tại điểm a, b, c, d và đ, khoản 1, điều này, Hội đồng quản trị của ngân hàng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này theo pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục báo, bổ nhiệm chức danh bổ khuyết theo các quy định của pháp luật.

3. Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát của ngân hàng sau khi bị xác định một cách nghiêm trọng về phạm vi chịu trách nhiệm cá nhân về việc các quy định trái với quy định của pháp luật và điều lệ của ngân hàng, hoặc các quy định khác ý làm sai của mình trong thời gian nhiệm vụ.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị xem xét, bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không thực hiện nhiệm vụ dân sự bắt buộc;

b) Có xin thôi việc (trong đó nêu rõ lý do xin thôi việc);

c) Bị cơ quan quản lý Nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định tại điều 65 và điều 66 của Luật này;

d) Khi cơ quan có thẩm quyền báo, bổ nhiệm xét thấy cần thiết;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của điều lệ này và pháp luật.

5. Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm về phạm vi chịu trách nhiệm cá nhân về việc các quy định trái với quy định của pháp luật và điều lệ này, hoặc các quy định khác ý làm sai của mình trong thời gian nhiệm vụ.

6. Chức danh của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chủ yếu nghiêm trọng khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định của cơ quan có thẩm quyền của Ngân hàng.

7. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quy định miễn nhiệm, bãi nhiệm về việc (các) thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 4 của Luật này, Hội đồng quản trị phải có văn bản thông báo kèm tài liệu chứng minh cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này theo pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục báo, bổ nhiệm thành viên Ban kiểm soát bổ khuyết theo các quy định của pháp luật.

Điểm 62. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Cuộc họp Ban kiểm soát ưu tiên phải được tổ chức trong vòng 7 (bảy) ngày sau buổi Ban kiểm soát họp. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên sẽ bầu theo nguyên tắc ngẫu nhiên trong số họ triệu tập họp Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát họp nhậm chức và bắt đầu công việc. Các cuộc họp nhậm chức của Ban kiểm soát tổ chức ít nhất một quý một lần do Trường Ban kiểm soát hoặc người ủy nhiệm ủy quyền Trường Ban kiểm soát triệu tập.

3. Cuộc họp bắt đầu công việc của Ban kiểm soát được tiến hành theo nguyên tắc sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- b) Hai thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Trường Ban kiểm soát;
- d) Các thành viên Ban kiểm soát;
- e) Tổng giám đốc.

4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản nghị quyết của Ban kiểm soát bắt đầu công việc trong các nội dung nêu tại điểm a, b, d và e, khoản 3 điểm này, Trường Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bắt đầu công việc. Trường họp, sau hai lần nghị quyết triệu tập mà Trường Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của Ngân hàng tổ chức chính và tiến hành họp Ban kiểm soát xử lý công việc, đồng thời quy định nội dung nhiệm vụ, bổ nhiệm chức danh Trường Ban kiểm soát, bổ nhiệm thành viên Ban kiểm soát và bổ nhiệm ủy nhiệm ủy quyền danh Trường Ban kiểm soát, trình Ngân hàng Nhà nước chấp thuận theo đúng quy định hiện hành, hoặc quy định khác có hiệu lực công bố bắt đầu xử lý những nội dung, văn bản mà chủ tịch ủy quyền (nếu có).

5. Các cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành và chấp thuận sẽ ký của Ngân hàng.

6. Thông báo mời họp Ban kiểm soát phải gửi cho các thành viên Ban kiểm soát tối thiểu 5 (năm) ngày trước ngày họp. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát được làm bằng văn bản nội dung Việt, trong đó nêu rõ về: Chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải kèm theo những tài liệu cần thiết về những văn bản cần bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và các phiếu biểu quyết cho những thành viên Ban kiểm soát. Những thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự sẽ gửi phiếu biểu quyết cho Ban kiểm soát trước khi họp.

Mục 6

**NH NG TR NG H P KHÔNG C M NHI M CH C V VÀ NH NG
TR NG H P KHÔNG CÙNG M NHI M CH C V**

Điểm 63. Những trường hợp không cùng nhiệm vụ

1. Những người sau đây không cùng là Kế toán trưởng, Giám đốc Sở Giao dịch, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty trực thuộc của Ngân hàng:

a) Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang có án tích;

c) Người đã từng bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội xâm phạm sức khỏe; người đã từng bị kết án về các tội tể tiền phạm nghiêm trọng trở lên;

d) Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức; cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% (mã tài khoản mở tại nước ngoài) và nhân viên, trợ lý nghiệp vụ của các làm việc di động theo quy định quản lý phân vụ nộp nhân viên của doanh nghiệp khác;

đ) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, nhân viên thu thuế Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, nhân viên thu thuế Công an nhân dân Việt Nam;

e) Bà mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không cùng là Kế toán trưởng của Ngân hàng;

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật này.

2. Những người sau đây không cùng là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của Ngân hàng:

a) Thuộc diện quy định tại khoản 1 của pháp luật này;

b) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trở thành hợp tác xã doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;

c) Người di động theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trở thành hợp tác xã di động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chuyển đổi thành hợp tác xã doanh nghiệp;

d) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về Ngân hàng 59/2009/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ hoặc bị cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan pháp luật xác định người đó có sai phạm dẫn đến vi phạm Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;

đ) Bà mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không cùng là thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng.

Điểm 64. Những trường hợp không cùng nhiệm vụ

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng:

- a) Không có người là thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng;
- b) Không có người là người quản lý các tài sản khác, trừ người phụ trách ngân sách của Hội đồng quản trị có là công ty trách nhiệm của Ngân hàng;
- c) Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng không có người là người điều hành của Ngân hàng; không có người là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tài sản khác, trừ người phụ trách có là công ty trách nhiệm của Ngân hàng.

2. Thành viên Ban kiểm soát:

- a) Không có người là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên của Ngân hàng hoặc công ty trách nhiệm của Ngân hàng;
- b) Không có người là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành của Ngân hàng;
- c) Trưởng Ban Kiểm soát không có người là thành viên Ban kiểm soát, người điều hành các tài sản khác.

3. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc không có người là người điều hành hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị các tài sản khác, trừ người phụ trách có là công ty trách nhiệm của Ngân hàng; không có người tham gia điều hành các doanh nghiệp khác.

Mục 7

NGHỊ QUYẾT CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 65. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các thành viên khác của Ban điều hành của Ngân hàng phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Ngân hàng, bao gồm:

- a) Tên, địa chỉ số chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, số đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ trực tiếp đứng tên sở hữu phần vốn góp, số phần vốn quy định, ý thức cho người, tổ chức khác đứng tên quản lý trên 5% (năm phần trăm) vốn của doanh nghiệp, tổ chức đó, tài sản và thị giá số vốn sở hữu phần vốn góp hoặc phần đó;
- b) Tên, địa chỉ số chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, số đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 điều này phải thực hiện trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải khai báo với Ngân hàng trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung thông tin.

3. Vì c kê khai quy nh t i kho n 1 và kho n 2 i u này ph i c thông báo cho i h i ng c ông t i cu c h p th ng niên g n nh t ho c thông báo nh k hàng n m cho c ông c a Ngân hàng và c niêm y t, l u gi t i tr s chính c a Ngân hàng.

4. Thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c nhân danh cá nhân ho c nhân danh ng i khác th c hi n công vi c đ i m i hình th c trong ph m vi công vi c kinh doanh c a Ngân hàng u ph i gi i trình b n ch t, n i dung c a công vi c ó tr c H i ng qu n tr , Ban ki m soát và ch c th c hi n khi c a s thành viên còn l i c a H i ng qu n tr ch p thu n; n u th c hi n mà không khai báo ho c không c s ch p thu n c a H i ng qu n tr thì t t c thu nh p có c t ho t ng ó thu c v Ngân hàng.

i u 66. Ngh a v c a Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c và thành viên Ban i u hành

1. Th c hi n các quy n và nhi m v c giao theo úng quy nh c a pháp lu t, i u l này, quy t nh c a i h i ng c ông ho c ch s h u ho c thành viên góp v n c a Ngân hàng.

2. Th c hi n các quy n và nhi m v c giao m t cách trung th c, c n tr ng, t t nh t vì l i ích c a Ngân hàng.

3. Trung thành v i l i ích c a Ngân hàng; không s d ng thông tin, bí quy t, c h i kinh doanh c a Ngân hàng, l m đ ng a v, ch c v và tài s n c a Ngân hàng thu l i cá nhân ho c ph c v l i ích c a t ch c, cá nhân khác ho c làm t n h i t i l i ích c a Ngân hàng.

4. Thông báo k p th i, y , chính xác cho Ngân hàng v quy n l i có th gây xung t mà h có c các t ch c kinh t , các giao d ch ho c cá nhân khác v à ch c s d ng nh ng c h i ó khi H i ng qu n tr ã xem xét và ch p thu n.

5. Không c c nh tranh b t h p pháp v i Ngân hàng ho c t o i u ki n cho bên th ba gây t n h i l i ích c a Ngân hàng.

6. Không c t o i u ki n cá nhân mình ho c ng i có liên quan c a mình quy nh t i i m l, kho n l, i u l, i u l này vay v n Ngân hàng v i nh ng i u ki n u ãi, thu n l i h n so v i quy nh chung c a pháp lu t và c a Ngân hàng.

7. Không c t ng l ng, thù lao, tr th ng khi Ngân hàng b l .

8. Các ngh a v khác theo quy nh pháp lu t.

i u 67. Trách nhi m v thi t h i và b i th ng

1. Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c và các thành viên khác c a Ban i u hành không th c hi n ngh a v c a mình m t cách trung th c, v i s c n tr ng, m n cán và n ng l c chuyên môn s ph i ch u trách nhi m v nh ng thi t h i c a Ngân hàng do hành vi vi ph m c a mình gây ra.

2. Ngân hàng s b i th ng cho nh ng ng i ã, ang và có nguy c tr thành m t bên liên quan trong các v khi u n i, khi u ki n, kh i t ã, ang ho c có th s c ti n hành cho dù ây là v vi c dân s , hành chính (mà không ph i là vi c ki n t ng do Ngân hàng th c hi n hay thu c quy n kh i x ng c a Ngân hàng) n u ng i ó th c hi n nhi m v c a Ngân hàng v i t cách là thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c, các thành

viên Ban điều hành, cán bộ nhân viên hoặc là điều hành Ngân hàng (hay công ty trực thuộc Ngân hàng) quy định.

3. Ngân chi phí của bất kỳ ngân hàng bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuế lưu chuyển), chi phí theo phán quyết của các quan tài phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phí thanh toán phát sinh trong thời kỳ hoặc coi là mức phạt khi ghi quyết định ngân hàng vì vấn đề này trong khuôn khổ pháp luật cho phép, vì điều kiện là ngân hàng đã hành động trung thực, công bằng, minh bạch và vì ngân hàng chuyên môn vì lợi ích hoặc không chấp hành lợi ích của Ngân hàng, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng ngân hàng đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

4. Ngân hàng có quyền mua bảo hiểm cho những ngân hàng để tránh những trách nhiệm bất kỳ ngân hàng nêu trên.

Điều 68. Hợp đồng, giao dịch phi công khai, Hợp đồng quản trị chi phí

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Ngân hàng với các tài khoản sau đây phải công khai hoặc Hợp đồng quản trị chi phí (trừ các giao dịch cho vay theo quy định tại Điều 77 và Điều 78 của Luật các tổ chức tín dụng):

a) Công khai điều kiện quy định các công suất 5% (nếu phần trăm) tổng số phần trăm thông của Ngân hàng trả lên và những ngân hàng có liên quan khác;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc;

c) Doanh nghiệp quy định tại mục a và mục b, khoản 1, Điều 65 của Luật này và Ngân hàng có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc.

2. Các hợp đồng, giao dịch với các tài khoản nêu tại khoản 1 của Điều này có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn có của Ngân hàng phải công khai chi phí. Trong trường hợp này, công khai liên quan không có quy định cụ thể quy định. Hội đồng quản trị trình đồng thời hợp đồng hoặc ghi trình văn bản nội dung chi phí của giao dịch tài khoản chi phí công khai hoặc lợi ích kinh doanh văn bản. Hợp đồng hoặc giao dịch chi phí quản trị khi có sự công khai điều kiện 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phí sử dụng tài khoản liên quan.

3. Các hợp đồng, giao dịch với các tài khoản nêu tại khoản 1 của Điều này có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn có của Ngân hàng phải công khai Hội đồng quản trị chi phí. Tổng giám đốc Ngân hàng gửi các thành viên Hội đồng quản trị và niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh Ngân hàng đồng thời hợp đồng hoặc thông báo nội dung chi phí của giao dịch. Hội đồng quản trị quy định chi phí chi phí quản trị hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quy định cụ thể.

4. Trường hợp hợp đồng giao kết hoặc thỏa thuận mà chưa công khai chi phí công khai hoặc Hội đồng quản trị chi phí theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 của Điều này thì hợp đồng vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật. Công khai, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có liên quan phải bất kỳ trường hợp phát sinh, hoàn trả cho Ngân hàng các khoản lợi ích chi phí chi phí hợp đồng, giao dịch.

M c 8

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN

Đ i u 69. Công nhân viên và công oàn

T ơng giám ể ph i l p k ho ch H i ểng qu n tr thông qua các v n li ển quan n vi ểc tuy n đ ểng, lao ểng, bu ểc th i vi ểc, l ểng, b o hi m xã h i, phúc l i, khen th ểng và k lu t i v i cán b qu n lý và ng i lao ểng c ểng nh nh ểng m i quan h ểc a Ngân hàng v i các t ểch ểc công oàn ểc công nh n theo các chu n m ểc, thông l v à chính sách qu n lý t t nh t, nh ểng thông l v à chính sách quy nh t i i u l này, các quy ch ểc a Ngân hàng và quy nh pháp lu t hi ển hành.

Ch ểng IV

M I QUAN H GI A NG ẦN HÀNG VÀ CÁC N V THÀNH VI ỂN

M c 1

CÁC N V TR ểC THU ểC, CÔNG TY TR ểC THU ểC, CÔNG TY LI ỂN K T ểC A NG ẦN HÀNG

Đ i u 70. Các n v tr ểc thu ểc, Công ty tr ểc thu ểc, Công ty li ển k t ểc a Ngân hàng

1. Ngân hàng có các n v tr ểc thu ểc, các Công ty tr ểc thu ểc, Công ty li ển k t.
2. Ngân hàng có th ể thành l p các n v tr ểc thu ểc trong n ểc và n ểc ngoài h tr ho t ểng ểc a Ngân hàng theo ngh quy t, quy t nh ểc a H i ểng qu n tr v à trong ph m vi pháp lu t cho phép.

M c 2

QUAN H GI A NG ẦN HÀNG V I CÁC N V TR ểC THU ểC

Đ i u 71. Quan h gi a Ngân hàng và các n v tr ểc thu ểc

Các n v tr ểc thu ểc h ch toán ph ể thu ểc Ngân hàng, th ểc hi ển ho t ểng kinh doanh, h ch toán, t ểch ểc, nhân s v à các ho t ểng khác theo ch ể phân ểc p, y quy n ểc a Ngân hàng và ểc ể th hóa t i quy ch t ểch ểc và ho t ểng ểc a các n v này. Quy ch ho t ểng do T ơng giám ểc xây đ ểng và trình H i ểng qu n tr phê duy t. Ngân hàng ch u trách nhi m v các ngh a v tài chính phát sinh i v i các cam k t h p pháp ểc a các n v tr ểc thu ểc.

M c 3

QUAN H GI A NG ẦN HÀNG VÀ CÁC CÔNG TY CÓ LI ỂN QUAN

Điểm 72. Quy định về ngân hàng trong các Công ty có liên quan

1. Ngân hàng giao quyền cho người đi đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trực tiếp thay mặt Ngân hàng quản lý các khoản đầu tư của Ngân hàng tại các Công ty có liên quan trong phạm vi giới hạn của các Công ty có liên quan này cho phép.

2. Ngân hàng quy định mức đầu tư vào các Công ty có liên quan thành lập mới, đầu tư bổ sung mức đầu tư vào các Công ty có liên quan đang hoạt động phù hợp với chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng.

3. Quy định và nghĩa vụ của người đi đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng tại các Công ty có liên quan được xác định theo quy chế do Hội đồng quản trị ban hành và tất cả những điều kiện.

Điểm 73. Chi phí, liên kết, hỗ trợ các Công ty có liên quan

1. Khi Ngân hàng nắm quyền chi phối đầu tư vào một Công ty có liên quan, quy định chi phí, hỗ trợ sẽ được quy định trong giới hạn và quy chế tài chính của Công ty có liên quan, có thể bao gồm các nội dung sau:

a) Bị quy định và phê duyệt giới hạn hoạt động;

b) Bị quy định về phê duyệt phòng ngừa chiến lược kinh doanh;

c) Bị quy định về phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm;

d) Bị quy định về phê duyệt các phòng án kinh doanh của Công ty có liên quan cho việc đầu tư ngoài của Công ty có liên quan;

e) Nhận và thông qua các báo cáo quản lý và các báo cáo tài chính để kiểm toán hàng năm của Công ty có liên quan;

f) Tham gia vào hoạt động trong toàn bộ Ngân hàng, liên kết với các Công ty có liên quan khác hoặc với chính Ngân hàng để chia sẻ các dự án có sự phối hợp của nhiều doanh nghiệp;

g) Thu lợi nhuận và chi phí hoàn trả và chuyển nhượng đầu tư của Ngân hàng đầu tư vào các Công ty có liên quan;

h) Các nội dung khác theo giới hạn của các Công ty có liên quan và quy định pháp luật;

2. Ngân hàng hỗ trợ cho các thành viên bằng cách xác định và đưa ra những hướng phát triển chung trên cơ sở phát huy các thế mạnh của các thành viên và tránh sự cạnh tranh nội bộ không lành mạnh và phân tán nguồn lực giữa các thành viên. Hoạt động phối hợp, hỗ trợ những mặt tốt, ưu tiên các thành viên được xác định trên cơ sở ưu tiên những mặt tích cực và phù hợp với quy định pháp luật.

3. Ngân hàng sẽ không trực tiếp quy định hoặc trực tiếp tham gia quản lý đầu tư vào các Công ty có liên quan. Quy định này không loại trừ quy định của người đi đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chia sẻ các vai trò quản lý, đầu tư hành động tại các Công ty có liên quan.

điều 74. Quy định và nghĩa vụ của Ngân hàng đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Ngoài các nguyên tắc quy định tại điều 73 của Luật này:

1. Ngân hàng quy định nội dung cấu trúc của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Ngân hàng quy định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng và kỷ luật thành viên Hội đồng thành viên trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức theo mô hình có Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty đối với các cấu trúc quản trị theo mô hình Chủ tịch Công ty.

3. Ngân hàng phân công cho Hội đồng thành viên của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (đối với các cấu trúc quản trị theo mô hình Hội đồng thành viên) hoặc Chủ tịch Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (đối với các cấu trúc quản trị theo mô hình Chủ tịch Công ty) quy định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với:

a) Giám đốc hoặc Tổng giám đốc sau khi có chấp thuận bằng văn bản của Hội đồng quản trị Ngân hàng.

b) Phó giám đốc hoặc Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng theo nghĩa của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.

4. Ngân hàng thực hiện các quy định và nghĩa vụ khác của chủ sở hữu theo quy định tại Điều 1 này, điều lệ của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

điều 75. Quy định và nghĩa vụ của Ngân hàng đối với Công ty trách nhiệm hai thành viên trở lên, Công ty cổ phần

Ngoài các nguyên tắc quy định tại điều 73 của Luật này:

1. Ngân hàng thực hiện quy định chi phí của công, bên góp vốn chi phí thông qua nghĩa vụ đối với mình là thành viên trong Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng công.

2. Các quy định và các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều này, điều lệ của các Công ty trách nhiệm có liên quan của Luật Doanh nghiệp, Luật thuế và quy định khác có liên quan của pháp luật.

điều 76. Quan hệ giữa Ngân hàng với các Công ty liên kết

Ngân hàng có quy định và nghĩa vụ của công đối với các Công ty liên kết theo điều lệ của các Công ty liên kết đó và/hoặc hợp đồng góp vốn và theo quy định của pháp luật.

**Chương V
CÁC CHỨC TÀI CHÍNH**

M c 1

H TH NG K TOÁN VÀ N M TÀI CHÍNH

i u 77. H th ng k toán

1. H th ng k toán Ngân hàng s d ng là H th ng k toán theo quy nh c a B Tài chính, Ngân hàng Nhà n c và pháp lu t khác có liên quan;
2. Ngân hàng s d ng ng Vi t Nam làm n v ti n t dùng trong k toán;
3. Các s sách k toán c a Ngân hàng c l p b ng ti ng Vi t theo quy nh c a Pháp lu t.

i u 78. N m tài chính

N m tài chính c a Ngân hàng b t u t ngày 1 (m ng m t) tháng 01 (d ng l ch) hàng n m và k t thúc vào ngày 31 (ba m i m t) tháng 12 (m i hai) cùng n m. N m tài chính u tiên t ngày c p gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh và k t thúc vào ngày 31 (ba m i m t) tháng 12 (m i hai) cùng n m ó.

M c 2

KI M TOÁN VÀ CON D U

i u 79. Ki m toán

1. i h i ng c ông th ng niên s y quy n cho H i ng qu n tr l a ch n m t công ty ki m toán c l p, ho t ng h p pháp t i Vi t Nam và c U ban Ch ng khoán Nhà n c ch p thu n ki m toán cho các công ty niêm y t, ti n hành các ho t ng ki m toán Ngân hàng cho n m tài chính t p theo đ a trên nh ng i u kho n và i u ki n tho thu n v i H i ng qu n tr .
2. M t b n sao c a báo cáo ki m toán c ính kèm v i m i b n báo cáo tài chính hàng n m c a Ngân hàng.
3. Ngân hàng s chu n b và g i báo cáo tài chính hàng n m cho công ty ki m toán c l p sau khi k t thúc n m tài chính.
4. Công ty ki m toán c l p ki m tra, xác nh n báo cáo tài chính hàng n m c a Ngân hàng, l p báo cáo ki m toán và trình báo cáo ó cho H i ng qu n tr trong vòng 2 (hai) tháng k t ngày k t thúc n m tài chính. Các nhân viên c a công ty ki m toán c l p th c hi n v i c ki m toán cho Ngân hàng ph i c c quan nhà n c có th m quy n ch p thu n, n u pháp lu t có yêu c u.
5. Ki m toán viên th c hi n v i c ki m toán báo cáo tài chính c a Ngân hàng s c phép tham đ m i cu c h p i h i ng c ông và c quy n nh n các thông báo và các thông tin khác liên quan n i h i ng c ông mà các c ông c quy n nh n và c phát bi u ý ki n t i i h i v các v n có liên quan n ki m toán.

Điều 80. Con dấu

Chỉ thị Ngân hàng, Chỉ thị Ngân quỹ, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Mục 3

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 81. Phân chia lợi nhuận sau thu

Sau khi trích lập các quỹ, lợi nhuận ghi lại của Ngân hàng sử dụng trực tiếp theo quy định của Chỉ thị Ngân hàng, phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 82. Trích lập quỹ

1. Ngân hàng trích lập các quỹ và dự phòng theo đúng quy định của pháp luật.

2. Hàng năm, Ngân hàng sử dụng lợi nhuận sau thu của mình như sau:

a) Trích lập vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 5% (năm phần trăm) lợi nhuận sau thu của Ngân hàng. Mục tiêu của quỹ này không vượt vốn điều lệ của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

b) Trích lập vào Quỹ dự trữ tài chính 10% (mười phần trăm) lợi nhuận sau thu của Ngân hàng và chi phí phát triển 25% (hai mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng, và các quỹ phát triển nghiệp vụ, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ khác theo quy định của Chỉ thị Ngân hàng.

c) Trích lập cho các công trình.

Tổng trích lập các quỹ trên do Chỉ thị Ngân hàng quy định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 83. Trích lập

1. Các công trình chia theo quy định của Chỉ thị Ngân hàng trên cơ sở nghị của Hội đồng quản trị. Ngân hàng chi trả các công trình sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Ngân hàng và bù đắp lỗ trực tiếp theo quy định của điều này và Pháp luật; ngay sau khi hết sự cố, Ngân hàng vẫn bố trí thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác (nếu có).

2. Các công trình cho các phần đầu tư thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại phần đầu tư.

3. Các công trình cho các phần thông tin xác nhận về nguồn lợi nhuận ghi lại của Ngân hàng do Chỉ thị Ngân hàng quy định.

4. Các công trình có thể chi trả bằng tín dụng, bằng các phần của Ngân hàng hoặc bằng tài sản khác do Hội đồng quản trị quyết định và Chỉ thị Ngân hàng quy định. Nếu chi trả bằng tín dụng thì thực hiện bằng Ngân hàng Việt Nam và có thể thanh toán bằng chuyển khoản theo yêu cầu của công trình.

C t c có th c thanh toán b ng chuy n kho n qua ngân hàng khi Ngân hàng ã có chi ti t v ngân hàng c a c ông có th chuy n tr c ti p c vào tài kho n ngân hàng c a c ông. Ngân hàng không ch u trách nhi m v các thi t h i phát sinh t vi c chuy n kho n ó trong tr ng h p ã chuy n kho n theo úng các thông tin chi ti t v ngân hàng nh thông báo c a c ông. Trong tr ng h p c phi u c niêm y t t i S giao d ch ch ng khoán ho c Trung tâm giao d ch ch ng khoán, vi c thanh toán c t c i v i các c ph n này có th c ti n hành thông qua công ty ch ng khoán ho c Trung tâm l u ký ch ng khoán.

5. H i ng qu n tr ph i l p danh sách c ông c nh n c t c, xác nh m c c t c c tr i v i t ng c ph n, th i h n và hình th c tr ch m nh t 30 (ba m i) ngày tr c m i l n tr c t c. Thông báo v tr c t c g i b ng ph ng th c b o m n c a ch ng ký t t c c ông ch m nh t 15 (m i l m) ngày tr c khi th c hi n tr c t c.

Thông báo ph i ghi rõ tên Ngân hàng; h , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác c a c ông là cá nhân; tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s quy t nh thành l p ho c s ng ký kinh doanh c a c ông là t ch c; s l ng c ph n t ng l o i c a c ông; m c c t c i v i t ng c ph n và t ng s c t c mà c ông ó c nh n, th i i m và ph ng th c tr c t c; h , tên, ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr và T ng giám c c a Ngân hàng.

6. Tr ng h p c ông chuy n nh ng c ph n c a mình trong th i gian gi a th i i m k t thúc l p danh sách c ông và th i i m tr c t c thì ng i chuy n nh ng là ng i nh n c t c Ngân hàng.

7. H i ng qu n tr có th quy t nh thanh toán c t c gi a k n u xét th y vi c chi tr này phù h p v i kh n ng sinh l i c a Ngân hàng và phù h p v i quy nh c a pháp lu t;

8. Tr tr ng h p c phi u có các quy n i kèm ho c các i u kho n phát sinh c phi u có quy nh khác, m c c t c c a nh ng c phi u ch a c thanh toán h t c tr theo t l t ng ng v i các kho n ti n ã thanh toán cho vi c mua c phi u ó tính n th i i m chi tr c t c. Ngân hàng không chi tr c t c b sung khi các c phi u ó ch a c thanh toán h t.

9. Ngân hàng không tr lãi cho b t c m t kho n c t c hay kho n ti n nào khác mà c ông ch a nh n c khi n h n tr c t c.

Ch ng VI

S SÁCH VÀ H S NGÂN HÀNG

i u 84. Báo cáo tài chính hàng n m, sáu tháng và hàng qu ý

1. Báo cáo tài chính hàng n m c a Ngân hàng bao g m: b ng cân i k toán, báo cáo l u chuy n ti n t , báo cáo k t qu ho t ng kinh doanh, thuy t minh báo cáo tài chính, thu và tình hình th c hi n ngh a v i v i Nhà n c.

Ngoài các báo cáo nêu trên, Ngân hàng l p các báo cáo hàng n m bao g m: báo cáo tài chính h p nh t; báo cáo t ng h p k t qu kinh doanh hàng n m; báo cáo t ng h p công tác qu n lý, i u hành.

2. Báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng phải lập một cách trung thực và khách quan, các kỹ thuật toán trừ khi trình bày những công việc xem xét, thông qua. Tổng giám đốc ngân hàng chịu trách nhiệm vì việc lập các báo cáo nêu trên liên quan này.

3. Ngân hàng sẽ lập báo cáo tài chính 6 (sáu) tháng và hàng quý và nộp cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Hội đồng quản trị theo dõi, giám sát việc lập báo cáo nêu trên liên quan này; lập các báo cáo về tình hình kinh doanh của Ngân hàng, các báo cáo về tình hình tài chính của Ngân hàng và gửi Ban kiểm soát thẩm định chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Hội đồng.

5. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định kiểm soát và báo cáo kỹ thuật toán phải có chữ ký của Ngân hàng chậm nhất 7 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Hội đồng.

Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm của các kỹ thuật toán, sau khi Ban kiểm soát thẩm định sẵn sàng niêm yết và trình bày trước Ngân hàng và thông báo nội dung các công việc chậm nhất 7 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Hội đồng và công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba tuần tiếp theo. Ngân hàng có website riêng, các báo cáo tài chính các kỹ thuật toán, báo cáo quý và 6 (sáu) tháng của Ngân hàng phải công bố trên website đó.

6. Các báo cáo tài chính hàng năm của Hội đồng thông qua gửi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều 85. Quy định về kiểm tra sổ sách và hồ sơ Ngân hàng

1. Công của Ngân hàng có quyền xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách công; xem xét, tra cứu và trích lục hồ sơ sao chép từ Ngân hàng, Sổ biên bản họp Hội đồng và các nghị quyết của Hội đồng.

2. Ngoài quy định trên theo quy định liên quan này, công hoặc nhóm công sự hợp tác với tư nhân, liên quan Điều 26 của Luật này có quy định về hồ sơ và sổ sách Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát có quyền kiểm tra sổ sách ký công của Ngân hàng, danh sách công và những sổ sách, hồ sơ, tài liệu khác của Ngân hàng phục vụ cho nhiệm vụ của mình tại Ngân hàng và chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin tài liệu công cộng.

4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm có quyền kiểm tra hồ sơ sao chép bản báo cáo tài chính hàng năm của các kỹ thuật toán, báo cáo 6 (sáu) tháng và hàng quý trong giới hạn làm việc của Ngân hàng và phải trả một khoản phí hợp lý cho việc sao chép.

Điều 86. Chế độ tài liệu của Ngân hàng

1. Ngân hàng phải lưu giữ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính của Ngân hàng:

a) Luật Ngân hàng; sắc lệnh, bổ sung luật Ngân hàng; quy chế quản lý nội bộ của Ngân hàng; sổ sách ký công;

b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; các giấy phép và giấy chứng nhận khác;

- c) Tài li u, gi y t xác nh n quy n s h u tài s n c a Ngân hàng;
- d) Biên b nh p i h i ng c ông, H i ng qu n tr ; các quy t nh c a Ngân h àng;
 -) B n cáo b ch phát hành ch ng khoán;
- e) Báo cáo c a Ban ki m soát, k t lu n c a c quan thanh tra, k t lu n c a t ch c ki m toán c l p;
- g) S k toán, ch ng t k toán, báo cáo tài chính h ng n m;
- h) Các tài li u khác theo quy nh c a pháp lu t.

2. Th i h n l u gi các tài li u nêu t i kho n l i u này th c hi n theo quy nh c a pháp lu t.

3. T ng giám c Ngân hàng ch u trách nhi m t ch c vi c l u gi và b o m t h s , tài li u Ngân hàng theo quy nh c a i u l này và pháp lu t.

i u 87. Công b thông tin và thông báo ra công chúng

Ngân hàng ph i công b ra công chúng các báo cáo tài chính hàng n m và các tài li u b tr khác theo nh ng quy nh c a c quan nhà n c có th m quy n và n p cho c quan thu h u quan và c quan ng ký kinh doanh theo các quy nh c a pháp lu t liên quan.

Ch ng VII

T CH C L I, GI I TH VÀ PHÁ S N NGÂN HÀNG

i u 88. T ch c l i

Vi c chia, tách, h p nh t, sáp nh p và chuy n i Ngân hàng c th c hi n theo quy nh c a pháp lu t.

i u 89. Gi i th Ngân hàng

1. Ngân hàng b gi i th trong nh ng tr ng h p sau:

- a) Theo quy t nh c a i h i ng c ông;
- b) Không còn s l ng thành viên t i thi u theo quy nh c a pháp lu t trong th i h n sáu tháng liên t c;
- c) B thu h i Gi y phép thành l p, ho t ng ho c Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh;
- d) Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t.

2. Ngân hàng ch gi i th khi b o m thanh toán h t các kho n n v à ngh a v tài s n khác.

3. Các quy t nh gi i th Ngân hàng do i h i ng c ông thông qua và ph i c thông báo lên c quan có th m quy n theo quy nh c a pháp lu t.

4. Ch m nh t trong th i h n 6 (sáu) tháng k t ng ày có quy t nh gi i th Ngân hàng, H i ng qu n tr thành l p Ban thanh lý g m t i thi u 3 (ba) thành viên, trong ó m t thành viên

do Hội đồng quản trị chỉ định có chuyên môn về kế toán, kế toán và hai thành viên (hoặc các thành viên còn lại của Ban Thanh lý) do Hội đồng chỉ định. Các thành viên của Ban thanh lý có thể là nhân viên trong số cán bộ, nhân viên của Ngân hàng hoặc thuê chuyên gia bên ngoài. Ban thanh lý chịu trách nhiệm các quy định, quy trình và thủ tục thanh lý. Tất cả các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản của Ngân hàng ưu tiên thanh toán trước các khoản khác của Ngân hàng.

5. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho các quan hệ kinh doanh và ngày cuối thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Ngân hàng trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Ngân hàng trước tòa án và các cơ quan có thẩm quyền khác.

6. Tài sản thuộc về việc thanh lý sẽ thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Tiền lương và chi phí bổ sung theo quy định của pháp luật cho cán bộ nhân viên;
- c) Thu nhập và các chi phí có tính chất thu nhập mà Ngân hàng phải trả cho Nhà nước Việt Nam;
- d) Các khoản vay và nợ khác của Ngân hàng;

Đến cuối năm tài chính sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ thì mới bắt đầu phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu tiên sẽ ưu tiên thanh toán trước.

7. Các thủ tục và quy định khác liên quan đến việc Ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 90. Phá sản Ngân hàng

Việc phá sản Ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

Chương VIII

GIỚI QUY ĐỊNH TRANH CHẤP, SAI LẦM VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ NGÂN HÀNG

Điều 91. Giới quy định tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Ngân hàng hay tới quy định của các cổ đông phát sinh từ điều lệ này hay từ bất cứ quy định nào khác do pháp luật quy định, giữa:

- a) Một cổ đông hay các cổ đông với Ngân hàng;
- b) Một cổ đông hoặc các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người quản lý cao cấp của Ngân hàng.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chỉ định người giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các ý kiến liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị,

b t c bên nào c ng có th yêu c u ch nh m t chuyên gia c l p hành ng v i t cách là tr ng tài cho quá trình gi i quy t tranh ch p.

2. Trong tr ng h p không t c quy t nh hòa gi i trong vòng 6 (sáu) tu n t khi b t u quá trình hòa gi i ho c n u quy t nh c a trung gian hòa gi i không c các bên ch p nh n, b t c bên nào c ng có th a tranh ch p ó ra c quan tr ng tài ho c toà án có th m quy n.

3. Các bên s t ch u chi phí c a mình có liên quan t i th t c th ng l ng và hòa gi i. Các chi phí c a toà án hay tr ng tài s do các c quan này quy t nh bên nào ph i ch u.

i u 92. B sung và s a i i u l

1. Vi c b sung, s a i i u l này ph i c i h i ng c ông xem xét, quy t nh.

2. Trong tr ng h p có nh ng quy nh c a pháp lu t có liên quan n ho t ng c a Ngân hàng ch a c c p trong b n i u l này ho c trong tr ng h p có nh ng quy nh m i c a pháp lu t khác v i nh ng i u kho n trong i u l này thì nh ng quy nh c a pháp lu t ó ng nhiên c áp d ng và i u ch nh ho t ng c a Ngân hàng.

Ch ng IX

I U KHO N THI HÀNH

i u 93. i u kho n chung

1. Ngôn ng chính th c c s d ng trong các cu c h p i h i ng c ông, h p H i ng qu n tr , h p Ban ki m soát là ti ng Vi t; ngôn ng s d ng trong các v n b n i u l , quy ch , quy nh, quy t nh c a Ngân hàng c ng nh trong biên b n các cu c h p k trên là ti ng Vi t. Các c ông n c ngoài t chu n b ng i và ch u các chi phí phiên d ch, biên d ch t ti ng Vi t sang ti ng n c ngoài.

2. i u l c i h i ng c ông Ngân hàng nh t trí thông qua ngày 21 tháng 3 n m 2008 và cùng ch p thu n hi u l c toàn v n c a i u l này. i u l này thay th i u l ngân hàng th ng m i c ph n Xu t Nh p kh u Vi t Nam do i h i ng c ông thông qua t i cu c h p i h i c ông t ch c ngày 28 tháng 02 n m 2003 và c Th ng c Ngân hàng Nhà n c chu n y theo quy t nh s 752/Q -NHNN ngày 10 tháng 7 n m 2003.

3. i u l này có hi u l c k t ngày c Th ng c Ngân hàng Nhà n c Vi t Nam chu n y.

4. i u l này g m 9 (chín) ch ng, 93 (chín m i ba) i u, c l p thành 10 (m i) b n, có giá tr nh nhau, trong ó:

a) 01 (m t) b n n p t i y ban ch ng khoán Nhà n c;

b) 02 (hai) b n n p Ngân hàng Nhà n c;

c) 05 (n m) b n ng ký t i c quan chính quy n theo quy nh pháp lu t;

c) 02 (hai) b n l u tr t i Ngân hàng.

5. Điều này là duy nhất và chính thức của Ngân hàng.

6. Các bản sao hoặc trích lục Điều Ngân hàng phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**